

Số: 66/BC-TKT

Hà Nội, ngày 03 tháng 9 năm 2025

BÁO CÁO

Tình hình kinh tế - xã hội tháng Tám và 8 tháng năm 2025

Thủ đô Hà Nội vinh dự, tự hào là trung tâm của các hoạt động kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 02/9 (A80). Thành phố đã vào cuộc với tinh thần trách nhiệm cao; huy động cả hệ thống chính trị, chủ động hoàn tất mọi công tác chuẩn bị với nỗ lực cao nhất. Công tác lãnh đạo, chỉ đạo được triển khai quyết liệt, bài bản, khoa học và linh hoạt; để lại dấu ấn sâu sắc trong lòng những người dân Việt Nam và bạn bè quốc tế. Đóng góp vào thành công của sự kiện trọng đại này là công sức của hàng nghìn cán bộ, chiến sĩ và Nhân dân thủ đô.

Để kỷ niệm các sự kiện trọng đại của đất nước; trong tháng Tám, Hà Nội đã khởi công hàng loạt các công trình trọng điểm và khánh thành nhiều dự án có vốn đầu tư lớn. Cùng với chuỗi các sự kiện quan trọng A80; hoạt động thương mại, dịch vụ vận tải, nhà hàng, khách sạn tăng cao với nhiều chương trình khuyến mại hấp dẫn phục vụ lượng lớn khách trong nước và quốc tế. Do đó, tình hình kinh tế - xã hội của Thủ đô có nhiều điểm tích cực; Cụ thể: Tổng thu NSNN trên địa bàn 8 tháng năm 2025 đạt 471,1 nghìn tỷ đồng, đạt 91,7% dự toán năm và tăng 36,5% so với cùng kỳ năm 2024; vốn đầu tư thực hiện từ NSNN do địa phương quản lý cao nhất cả nước, đạt 50,9 nghìn tỷ đồng, đạt 48,7% kế hoạch và tăng 33,2% so với cùng kỳ; vốn đầu tư nước ngoài đạt 3,82 tỷ USD, gấp 1,6 lần cùng kỳ; chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 6,5%; tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tiêu dùng xã hội tăng 12,6%; kim ngạch xuất khẩu tăng 10,3%; doanh thu vận tải, dịch vụ hỗ trợ vận tải và bưu chính chuyển phát tăng 16,3%; khách du lịch đến Hà Nội do cơ sở lưu trú phục vụ tăng 21,4%. Các lĩnh vực văn hóa, giáo dục tiếp tục phát triển, an sinh xã hội được bảo đảm. Kết quả chủ yếu các ngành, lĩnh vực trong tháng Tám và 8 tháng năm 2025 như sau:

I. TÌNH HÌNH KINH TẾ

1. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản

1.1. Nông nghiệp

Hoạt động sản xuất nông nghiệp trong tháng tập trung vào gieo cấy, chăm sóc lúa và trồng cây màu vụ Mùa; phát triển đàn gia súc, gia cầm, đồng thời bám sát diễn biến dịch tả lợn châu Phi, tập trung thực hiện các biện pháp phòng dịch bệnh trên đàn lợn.

Tính đến trung tuần tháng Tám, toàn Thành phố đã gieo cấy được 70,3 nghìn ha lúa vụ Mùa, bằng 97,7% vụ Mùa năm trước¹. Hiện nay, thời tiết thuận lợi cho cây trồng sinh trưởng và phát triển, cây lúa đang trong giai đoạn phân hóa đồng, đẻ nhánh rộ. Diện tích gieo trồng cây màu vụ Mùa đạt: Ngô 3 nghìn ha, bằng 93,4% cùng kỳ năm trước; khoai lang 199 ha, bằng 93,4%; đậu tương 243 ha, bằng 84,4%; lạc 543 ha, tăng 0,7%; rau 10 nghìn ha, tăng 1,8%; đậu 230 ha, tăng 82,7%. Cộng dồn từ đầu năm đến nay, toàn Thành phố gieo trồng được 11,2 nghìn ha ngô, bằng 92,5% cùng kỳ năm trước; khoai lang 1,3 nghìn ha, bằng 97,4%; đậu tương 1,2 nghìn ha, bằng 98,4%; lạc 2 nghìn ha, bằng 97,2%; đậu 456 ha, bằng 79,7%; rau 34,7 nghìn ha, tăng 2,3%.

Tính đến cuối tháng Tám, trên địa bàn Thành phố có 1,26 triệu con lợn (không bao gồm lợn con chưa tách mẹ), giảm 3,2% so với cùng kỳ; 28,9 nghìn con trâu, giảm 0,1%; 116,5 nghìn con bò, giảm 4,3%; 37,7 triệu con gia cầm², tăng 1,8% (28,5 triệu con gà, tăng 1,6%).

Số lượng gia súc, gia cầm đến cuối tháng 8 năm 2025

(So với cùng kỳ năm trước)



Trong thời gian gần đây, nhiều tỉnh, thành phố xuất hiện dịch tả lợn châu Phi với nguy cơ lây lan diện rộng và diễn biến phức tạp. Thông tin từ Cục Thú y, dịch tả lợn châu Phi, đến nay còn 926 ổ dịch chưa qua 21 ngày tại 34 tỉnh, thành phố. Số lợn buộc phải tiêu hủy được cập nhật lên Hệ thống thông tin dịch bệnh động vật (VAHIS) đến ngày 21/8/2025 hơn 330 nghìn con, chiếm khoảng 0,9% tổng đàn. Tại Hà Nội, trong tháng Tám dịch bệnh xuất hiện tại 745 hộ

¹ Diện tích gieo trồng lúa vụ Mùa giảm 1.683 ha chủ yếu do chuyển đổi mục đích sử dụng sang đất phi nông nghiệp và chuyển đổi những diện tích trồng lúa không hiệu quả sang các hình thức khác hiệu quả hơn, cụ thể: Chuyển sang đất phi nông nghiệp 242ha; đất trồng cây hàng năm 385 ha; cây lâu năm 102 ha; đất nuôi trồng thủy sản 228ha...

² Bao gồm gà, vịt, ngan.

chăn nuôi thuộc 192 thôn thuộc 27 xã, phường³. Trước tình hình đó, các ngành chức năng của thành phố Hà Nội thực hiện giám sát chặt chẽ diễn biến dịch bệnh tại cơ sở chăn nuôi trên địa bàn, tăng cường kiểm tra, áp dụng nghiêm ngặt các biện pháp vệ sinh chuồng, trại, sát trùng, tiêu độc, khoanh vùng và xử lý triệt để những ổ dịch phát sinh, hạn chế lây lan diện rộng. Tổ chức tiêm phòng vắc xin cho đàn lợn thịt, đồng thời tuyên truyền đến các hộ chăn nuôi về mức độ nguy hiểm của dịch tả lợn châu Phi và công tác phòng chống dịch.

1.2. Lâm nghiệp và thủy sản

Sản xuất lâm nghiệp trong tháng tập trung vào công tác chăm sóc, bảo vệ rừng. Tháng Tám, sản lượng gỗ khai thác ước đạt 2,2 nghìn m³, giảm 2,3% so với cùng kỳ năm 2024. Tính chung 8 tháng năm 2025, diện tích rừng trồng mới tập trung đạt 71 ha, bằng 97,3% cùng kỳ năm trước; số cây lâm nghiệp trồng phân tán đạt 378 nghìn cây, bằng 95,9%; sản lượng gỗ khai thác đạt 14,5 nghìn m³, bằng 96,5%.

Sản lượng thủy sản nuôi trồng tháng Tám ước đạt 11,1 nghìn tấn (chủ yếu sản lượng cá), tăng 3,9% so với cùng kỳ năm 2024. Tính chung 8 tháng năm 2025, tổng sản lượng thủy sản nuôi trồng đạt 82,9 nghìn tấn (chủ yếu là cá), tăng 3,9% so với cùng kỳ năm trước.

2. Sản xuất công nghiệp

Tháng 8/2025, sản xuất công nghiệp trên địa bàn Thành phố tiếp tục duy trì tăng trưởng tích cực. Chỉ số sản xuất công nghiệp (IIP) tháng Tám ước tăng 1% so với tháng trước và tăng 8,2% so với cùng kỳ năm 2024, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 1,4% và tăng 8,3%; sản xuất, phân phối điện giảm 1,1% và tăng 6,5%; cung cấp nước, xử lý rác, nước thải giảm 4,3% và tăng 9,8%; ngành khai khoáng tăng 0,1% và giảm 0,1%.

Ước tính 8 tháng năm 2025, chỉ số sản xuất công nghiệp tăng 6,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó công nghiệp chế biến, chế tạo tăng 6,7%; sản xuất, phân phối điện tăng 5%; cung cấp nước, xử lý rác, nước thải tăng 7,1%; công nghiệp khai khoáng giảm 4,2%.

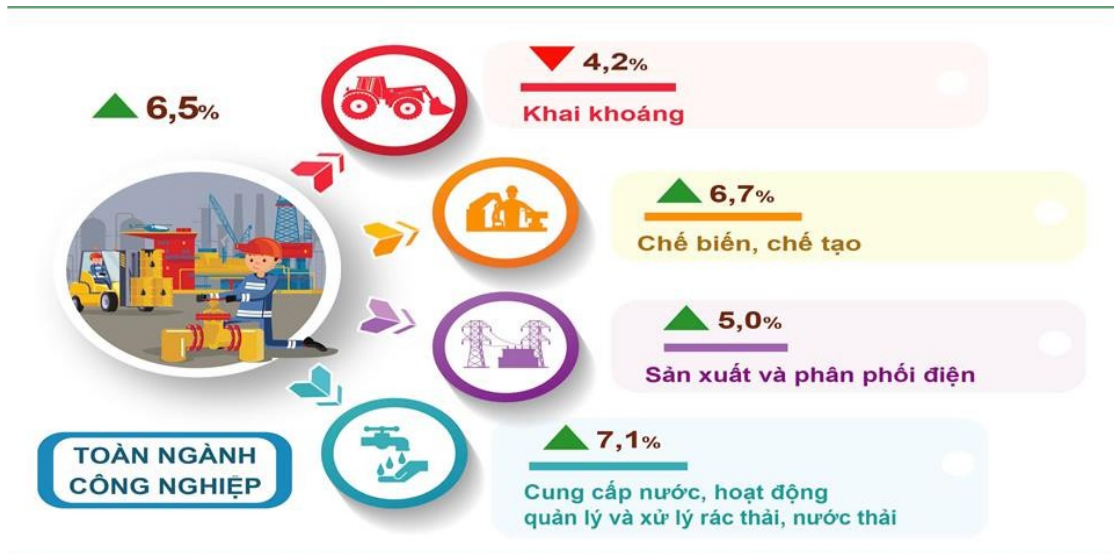
Trong 8 tháng năm 2025, hầu hết các ngành chế biến, chế tạo đạt mức tăng khá so với cùng kỳ như: Sản xuất xe có động cơ tăng 15,9%; sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại tăng 13,6%; sản xuất da và các sản phẩm làm từ da tăng 11,1%; sản xuất kim loại và sản xuất trang phục tăng 10,2%; sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu tăng 8,9%; sản xuất đồ uống tăng 8,6%; sản xuất

³ Bệnh dịch tả lợn châu Phi xuất hiện trên địa bàn Thành phố từ tháng Bảy, lũy kế đến nay có 773 hộ chăn nuôi của 192 thôn thuộc 27/126 xã, phường xuất hiện dịch bệnh. Tổng số lợn tiêu hủy 16,8 nghìn con, tương đương 1.085 tấn.

hoá chất và sản phẩm từ hoá chất tăng 7,9%... Bên cạnh đó, 2/23 ngành sản xuất có chỉ số IIP giảm so với cùng kỳ: Sản xuất thiết bị điện giảm 1,7%; sản xuất giường, tủ, bàn ghế giảm 0,1%.

Chỉ số sản xuất công nghiệp 8 tháng năm 2025

(So với cùng kỳ năm trước)



Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng Tám và 8 tháng năm 2025 (So với cùng kỳ năm trước)

Đơn vị tính: %

	Tháng 8	8T/2025
Một số sản phẩm tăng		
Tua bin phản lực và tua bin cánh quạt	186,1	168,8
Bê tông trộn sẵn	124,9	130,5
Sữa và kem dạng bột	127,0	126,4
Tủ lạnh dùng trong gia đình	104,1	126,3
Thuốc kháng sinh dạng bột, cốm	104,7	121,4
Ghế có khung bằng kim loại	107,0	115,6
Máy copy - in	110,7	115,2
Một số sản phẩm giảm		
Giấy và bìa nhẵn	71,4	77,7
Bàn bằng gỗ	86,9	81,5
Bao bì và túi bằng giấy	70,0	82,2
Quạt công suất < 125W	68,8	84,9
SP vệ sinh gắn cố định bằng gốm sứ	91,8	91,2

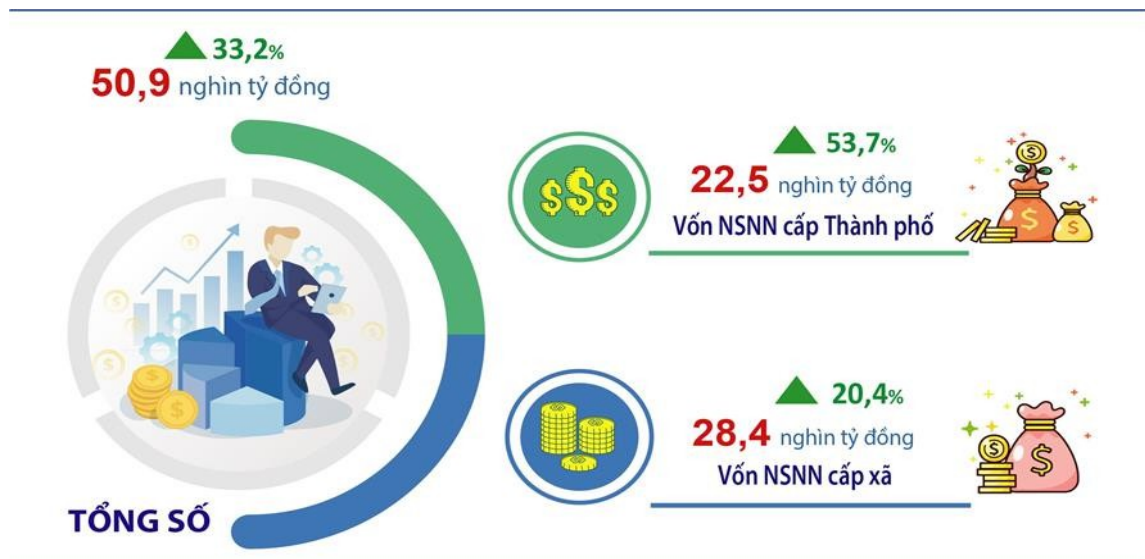
Lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp công nghiệp ước đến cuối tháng 8/2025 tương đương tháng trước và giảm 1,5% so với cùng thời điểm năm trước. Tính chung 8 tháng 2025, chỉ số sử dụng lao động của các doanh nghiệp công nghiệp giảm 0,3% so với cùng kỳ năm 2024, trong đó lao động đang làm việc trong doanh nghiệp khu vực có vốn đầu tư nước ngoài tăng 1,8%; khu vực Nhà nước giảm 0,8%; khu vực ngoài Nhà nước giảm 3,4%. Chia theo ngành kinh tế: Lao động đang làm việc trong ngành chế biến, chế tạo giảm 0,4%; ngành cung cấp nước và xử lý rác thải, nước thải tăng 2,6%; ngành khai khoáng giảm 20,4%; ngành sản xuất và phân phối điện, khí đốt tương đương cùng kỳ năm 2024.

3. Thực hiện vốn đầu tư từ nguồn ngân sách Nhà nước

Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước (NSNN) do địa phương quản lý tháng Tám ước tính đạt 8.857 tỷ đồng, tăng 5,1% so với thực hiện tháng trước và tăng 19,2% so với cùng kỳ năm 2024, trong đó: Vốn NSNN cấp Thành phố 3.906 tỷ đồng, tăng 2,1% và tăng 43,2%; vốn NSNN cấp xã 4.951 tỷ đồng, tăng 7,5% và tăng 5,3%. Tính chung 8 tháng năm 2025, vốn đầu tư từ nguồn NSNN do địa phương quản lý thực hiện được 50,9 nghìn tỷ đồng, đạt 48,7% kế hoạch năm và tăng 33,2% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Vốn NSNN cấp Thành phố 22,5 nghìn tỷ đồng, đạt 45,2% và tăng 53,7%; vốn NSNN cấp xã 28,4 nghìn tỷ đồng, đạt 51,8% và tăng 20,4%.

Vốn đầu tư thực hiện từ NSNN 8 tháng năm 2025

(So với cùng kỳ năm trước)



Trong tháng Tám, các hoạt động chào mừng 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9, Chính phủ đã thực hiện khởi công, khánh thành 250 công trình, dự án tại 80 điểm cầu trên cả nước vào ngày 19/8/2025, tại thành phố Hà Nội, có 8 công trình, dự án trọng điểm thuộc lĩnh vực hạ tầng giao thông đô

thị gồm: (1) Nhà máy xử lý nước thải Yên Xá, (2) Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường kết nối sân bay Gia Bình về Thủ đô (đoạn trên địa bàn Hà Nội), (3) Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng đường Vành đai 4 – Vùng Thủ đô (tiểu dự án đầu tư công, cầu Hồng Hà, Mỹ Sở), (4) Dự án xây dựng cầu Vân Phúc và tuyến đường kết nối ra quốc lộ 32 (xã Phúc Thọ, Hà Nội), (5) Dự án thành phần 3 thuộc Dự án đầu tư xây dựng cầu Ngọc Hồi và đường dẫn hai đầu cầu để kết nối Hà Nội với tỉnh Hưng Yên, (6) Xây dựng khu tái định cư (xã Đông Anh) thuộc Dự án đầu tư tuyến đường sắt Lào Cai - Hà Nội - Hải Phòng, (7) Xây dựng khu tái định cư (xã Ngọc Hồi) thuộc dự án xây dựng đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc – Nam, (8) Dự án Thành phố thông minh (xã Vĩnh Thanh).

Tình hình thực hiện một số dự án trọng điểm trên địa bàn Thành phố:

Dự án cầu Tứ Liên: Khởi công ngày 19/5/2025 với mức đầu tư gần 20,2 nghìn tỷ đồng gồm 3 dự án giải phóng mặt bằng và 1 dự án đầu tư xây dựng. Tổng chiều dài cầu và đường dẫn khoảng 11,5 km (trong đó cầu Tứ Liên dài gần 3 km, vị trí điểm đầu cầu tại nút giao với đường Nghi Tàm; điểm cuối tại nút giao với trục TC13, đường Trường Sa, xã Vĩnh Thanh). Theo kế hoạch dự án sẽ hoàn thành sau 2 năm xây dựng. Hiện nhà thầu đang tổ chức thi công 2 trụ tháp dây văng.

Dự án đường vành đai 4 - Vùng Thủ đô: Thuộc nhóm dự án quan trọng quốc gia, tuyến đường đi qua 3 tỉnh, thành phố (Hà Nội, Hưng Yên và Bắc Ninh), kết nối cao tốc Hà Nội - Lào Cai và Nội Bài - Hạ Long có tổng chiều dài 112,8 km với tổng mức đầu tư giai đoạn 1 hơn 75 nghìn tỷ đồng, tổng khối lượng giải phóng mặt bằng 1.386 ha, trên tuyến xây dựng 3 cầu lớn vượt sông Hồng, sông Đuống và 8 nút giao khác. Sau hơn 1 năm khởi công, đường Vành đai 4 - Vùng Thủ đô Hà Nội đang dần hình thành, đến nay đã giải ngân 19,1% kế hoạch vốn.

Dự án đường Vành đai 1, đoạn Hoàng Cầu - Voi Phục (giai đoạn 1): Dự án có chiều dài 2,3 km, mặt cắt ngang 50 m và hợp phần 2 cầu vượt tại nút giao Láng Hạ - Nguyễn Chí Thanh. Điểm đầu tuyến đường giao với đường Cát Linh - La Thành - Yên Lãng tại Hoàng Cầu và điểm cuối tại nút giao thông Voi Phục. Mức đầu tư giai đoạn 1 dự án hơn 7,2 nghìn tỷ đồng từ nguồn ngân sách Thành phố, đến nay dự án đã giải ngân 51,9% kế hoạch vốn.

Dự án cải tạo, nâng cấp Quốc lộ 6 đoạn Ba La - Xuân Mai: Dự án cải tạo 21,7 km, đoạn nút giao Ba La phường Hà Đông đến xã Xuân Mai. Dự án nâng cấp thành 4 - 6 làn xe, vận tốc thiết kế 80 km/h, chiều rộng nền đường được mở 50m - 60m góp phần hoàn chỉnh trục đường hướng tâm kết nối Quốc lộ 21A đường Hồ Chí Minh và tuyến đường Vành đai 4 vùng Thủ đô. Tổng vốn đầu tư

8,1 nghìn tỷ đồng từ nguồn ngân sách Thành phố, trong đó trên 5,1 nghìn tỷ đồng giải phóng mặt bằng; 2,9 nghìn tỷ đồng chi phí xây dựng, mua sắm thiết bị. Đến nay dự án đã giải ngân 23,8% kế hoạch vốn.

Dự án tuyến đường cao tốc Đại Lộ Thăng Long, đoạn nối từ Quốc lộ 21 đến cao tốc Hà Nội - Hòa Bình: Có chiều dài 6,7 km, điểm đầu kết nối giữa cao tốc Đại lộ Thăng Long với Quốc lộ 21 xã Hòa Lạc, điểm cuối kết nối với đường Hòa Lạc - Hòa Bình. Tổng mức đầu tư toàn dự án 5,2 nghìn tỷ đồng. Đến nay dự án đã giải ngân 36,2% kế hoạch vốn.

Dự án hệ thống xử lý nước thải Yên Xá thành phố Hà Nội: Có tổng mức đầu tư 11,2 nghìn tỷ đồng, trong đó 84,1% vốn vay ODA từ Chính phủ Nhật Bản. Dự án bao gồm một nhà máy xử lý nước thải với công suất 270 nghìn m³/ngày đêm và tuyến cống gom nước thải dọc sông Tô Lịch, sông Lừ, sông Sét, một phần sông Nhuệ với diện tích phục vụ khoảng 4.874 ha. Đến nay hệ thống dẫn nước thải từ sông Tô Lịch về nhà máy để xử lý đã hoàn thành, các gói thầu còn lại đang được đơn vị thi công đẩy nhanh tiến độ xây dựng, phần đầu hoàn thành vào năm 2027. Tổng thể dự án đã giải ngân 56,3% kế hoạch vốn.

4. Thu hút đầu tư nước ngoài và đăng ký doanh nghiệp

4.1. Thu hút đầu tư trực tiếp nước ngoài (FDI)

Trong tháng Tám, thành phố Hà Nội thu hút 52,8 triệu USD vốn FDI, trong đó: 35 dự án được cấp phép mới với tổng vốn đăng ký đạt 38,3 triệu USD; có 7 dự án được điều chỉnh tăng vốn đầu tư với số vốn đăng ký thêm đạt 6,1 triệu USD; nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần 75 lượt, đạt 8,4 triệu USD. Tính chung 8 tháng năm 2025, toàn Thành phố thu hút 3.819 triệu USD vốn FDI, gấp 1,6 cùng kỳ năm 2024, trong đó: Đăng ký cấp mới 257 dự án với số vốn đạt 282 triệu USD; 106 dự án bổ sung tăng vốn đầu tư với số vốn đăng ký đạt 3.200 triệu USD (trong đó dự án xây dựng công viên Yên sở của Công ty TNHH Gamuda Land Việt Nam có vốn góp từ Malaysia tăng 1.120 triệu USD); 284 lượt nhà đầu tư nước ngoài góp vốn, mua cổ phần đạt 337 triệu USD.

4.2. Tình hình đăng ký doanh nghiệp

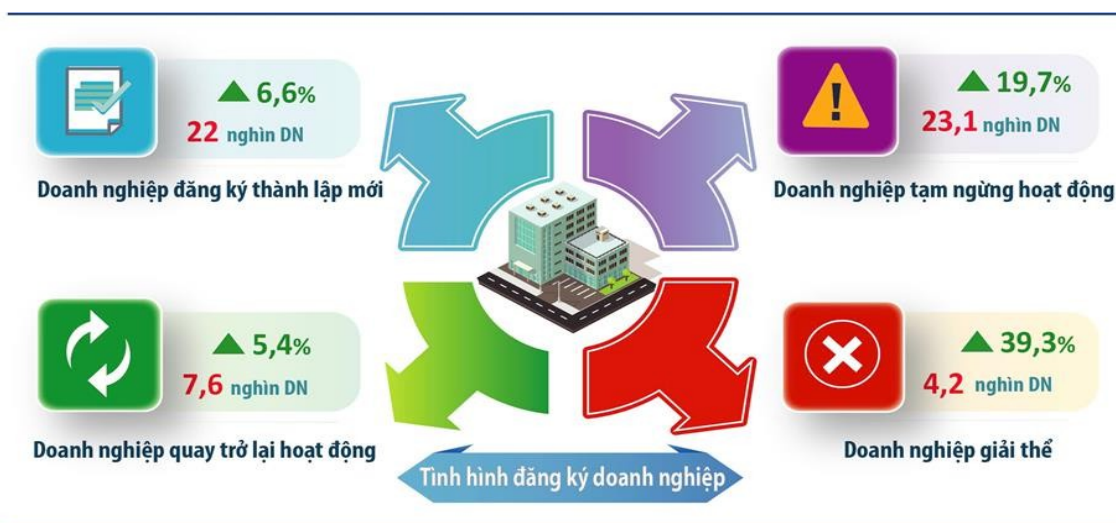
Trong tháng Tám, thành phố Hà Nội đã cấp giấy chứng nhận cho 3.287 doanh nghiệp thành lập mới, tăng 37,9% so với cùng kỳ năm trước; vốn đăng ký đạt 54,1 nghìn tỷ đồng, gấp 2 lần cùng kỳ; 832 doanh nghiệp hoạt động trở lại, tăng 28%; 1.774 doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 34,2%; 856 doanh nghiệp giải thể, tăng 87,3%.

Tính chung 8 tháng năm 2025, Thành phố đã cấp giấy chứng nhận cho 22 nghìn doanh nghiệp thành lập mới với vốn đăng ký 240,9 nghìn tỷ đồng, tăng 6,6% về số lượng doanh nghiệp và tăng 26,1% vốn đăng ký so với cùng kỳ năm

trước; 7,6 nghìn doanh nghiệp hoạt động trở lại, tăng 5,4%; 23,1 nghìn doanh nghiệp đăng ký tạm ngừng hoạt động, tăng 19,7%; 4,2 nghìn doanh nghiệp giải thể, tăng 39,3%. Tỷ lệ hồ sơ đăng ký doanh nghiệp qua mạng được duy trì 100%, đảm bảo chất lượng và đúng hạn.

Tình hình doanh nghiệp 8 tháng năm 2025

(So với cùng kỳ năm trước)



5. Hoạt động thương mại, dịch vụ

5.1. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng

Trong tháng Tám, Hà Nội là nơi tổ chức Lễ kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9 với nhiều hoạt động văn hóa, văn nghệ quy mô lớn. Đây là dịp để người dân cả nước và du khách quốc tế đến Hà Nội hòa chung không khí Lễ hội, tham quan và mua sắm. Ngay từ đầu tháng, tại các cửa hàng bán lẻ, chợ dân sinh, các trung tâm thương mại đã trang trí rực rỡ cờ, hoa với hai sắc màu vàng, đỏ cùng nhiều chương trình khuyến mãi hấp dẫn trên các nền tảng bán lẻ đa kênh, quảng cáo, tặng quà đa dạng đã thu hút lượng lớn người mua, đáp ứng nhu cầu tiêu dùng tăng cao trong tháng.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Tám ước tính đạt 81,6 nghìn tỷ đồng, tăng 4,8% so với tháng trước và tăng 13,4% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 49,7 nghìn tỷ đồng, tăng 4,1% và tăng 11,5%⁴; doanh thu lưu trú, ăn uống đạt 12,4 nghìn tỷ đồng, tăng 9,6% và tăng 16,8%; doanh thu du lịch lữ hành đạt 3,3 nghìn tỷ đồng, tăng 11,3% và tăng 33%; doanh thu dịch vụ khác đạt 16,2 nghìn tỷ đồng, tăng 2,2% và tăng 13,7%.

⁴ Trong tháng 8/2025, doanh thu bán lẻ các nhóm hàng tăng so với cùng kỳ năm trước như: Đá quý, kim loại quý tăng 51,6%; xăng dầu tăng 11,3%; lương thực, thực phẩm tăng 11,1%; hàng may mặc tăng 10,5%; đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình tăng 9,6%; nhiên liệu khác (trừ xăng dầu) tăng 8,2%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 3,6%; hàng hóa khác tăng 18,1%...

Tính chung 8 tháng năm 2025, tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng đạt 615,7 nghìn tỷ đồng, tăng 12,6% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Doanh thu bán lẻ hàng hóa đạt 387,9 nghìn tỷ đồng, chiếm 63% tổng mức và tăng 12,2% (đá quý, kim loại quý tăng 28,2%; gỗ và vật liệu xây dựng tăng 16,9%; lương thực, thực phẩm tăng 12,6%; hàng may mặc tăng 11,3%; xăng, dầu tăng 11,2%; ô tô con tăng 10,8%; nhiên liệu khác (trừ xăng dầu) tăng 9,9%; đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình tăng 9,7%; hàng hóa khác tăng 13,6%). Doanh thu lưu trú, ăn uống đạt 85,2 nghìn tỷ đồng, chiếm 13,8% và tăng 16,1% (dịch vụ lưu trú tăng 15,4%; dịch vụ ăn uống tăng 21,4%). Doanh thu du lịch lữ hành đạt 22,1 nghìn tỷ đồng, chiếm 3,6% và tăng 21,4%. Doanh thu dịch vụ khác đạt 120,5 nghìn tỷ đồng, chiếm 19,6% và tăng 10,2%.

Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng 8 tháng năm 2025 (So với cùng kỳ năm trước)



5.2. Vận tải và bưu chính chuyển phát

Tổng doanh thu hoạt động vận tải, dịch vụ kho bãi, hỗ trợ vận tải và bưu chính, chuyển phát tháng Tám đạt 21,4 nghìn tỷ đồng tăng 1,3% so với tháng trước và tăng 16,1% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng năm 2025, tổng doanh thu đạt 167,4 nghìn tỷ đồng tăng 16,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó:

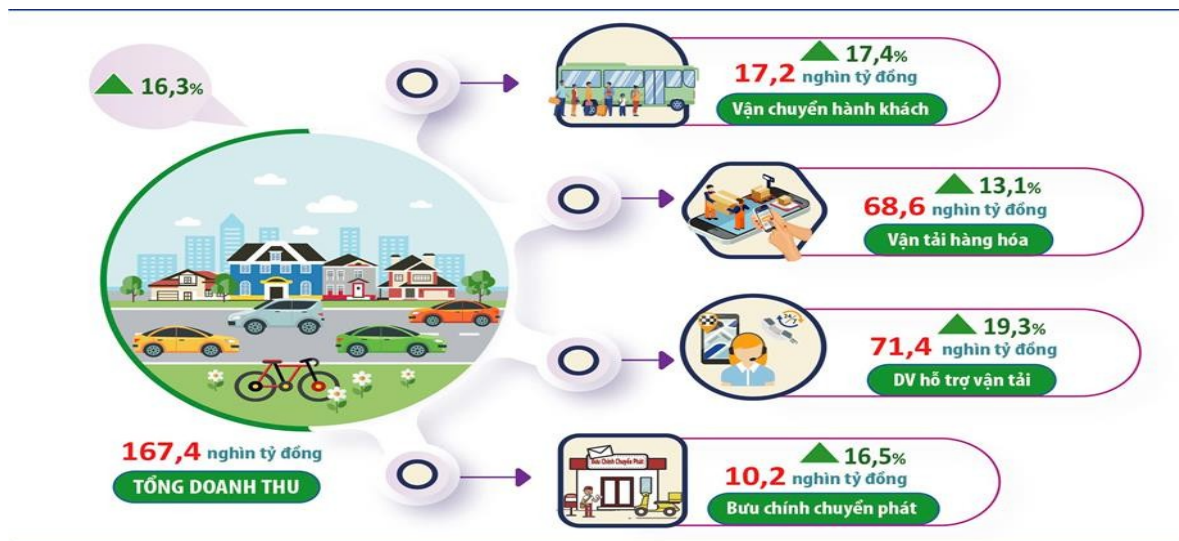
Vận chuyển hành khách: Số lượt hành khách vận chuyển tháng Tám ước đạt 43,5 triệu lượt người, tăng 3,5% so với tháng trước và tăng 22,4% so với cùng kỳ năm trước; số lượt hành khách luân chuyển ước đạt 1,3 tỷ lượt người.km, tăng 3,3% và tăng 18,8%; doanh thu ước tính đạt 2,2 nghìn tỷ đồng, tăng 3,4% và tăng 19,1%. Tính chung 8 tháng năm 2025, số lượt hành khách vận chuyển đạt 332,9 triệu lượt người, tăng 19,9% so với cùng kỳ năm trước; số lượt hành khách luân chuyển đạt 9,7 tỷ lượt người.km, tăng 17,7%; doanh thu đạt 17,2 nghìn tỷ đồng, tăng 17,4%.

Vận tải hàng hóa: Khối lượng hàng hóa vận chuyển tháng Tám ước tính đạt 154,7 triệu tấn, tăng 1,5% so với tháng trước và tăng 13,1% so với cùng kỳ năm trước; khối lượng hàng hóa luân chuyển ước tính đạt 15 tỷ tấn.km, tăng 1,4% và tăng 14%; doanh thu ước tính đạt 8,8 nghìn tỷ đồng, tăng 1,2% và tăng 13,6%. Tính chung 8 tháng năm 2025, khối lượng hàng hóa vận chuyển đạt 1.206,9 triệu tấn, tăng 12,9% so với cùng kỳ năm trước; khối lượng hàng hóa luân chuyển đạt 116,9 tỷ tấn.km, tăng 12,8%; doanh thu đạt 68,6 nghìn tỷ đồng, tăng 13,1%.

Doanh thu hoạt động kho bãi và hỗ trợ vận tải: Tháng Tám ước tính đạt 9,1 nghìn tỷ đồng, tăng 0,8% so với tháng trước và tăng 18,2% so với cùng kỳ. Tính chung 8 tháng năm 2025, doanh thu ước đạt 71,4 nghìn tỷ đồng, tăng 19,3% so với cùng kỳ năm trước.

Doanh thu dịch vụ bưu chính chuyển phát: Tháng Tám ước tính đạt 1,3 nghìn tỷ đồng, tăng 1% so với tháng trước và tăng 14,6% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng năm 2025, doanh thu đạt 10,2 nghìn tỷ đồng, tăng 16,5% so với cùng kỳ năm 2024.

**Doanh thu hoạt động vận tải, dịch vụ kho bãi, hỗ trợ vận tải
và bưu chính chuyển phát 8 tháng năm 2025 (So với cùng kỳ năm trước)**



Công tác chuẩn bị phương tiện vận tải phục vụ nhu cầu của người dân trong dịp nghỉ Lễ Quốc khánh 2/9

Hà Nội là nơi tổ chức chuỗi sự kiện Kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9 nên lưu lượng hành khách trong tháng tăng mạnh cả hai chiều đi và đến Thành phố. Số lượng hành khách về Bến xe khách Mỹ Đình, Giáp Bát tăng trên 350%; Bến xe Nước Ngầm tăng 250 - 300% so với ngày thường. Để đáp ứng nhu cầu tăng cao, Bến xe Mỹ Đình đã tăng cường 530 lượt

xe trong suốt kỳ nghỉ Lễ, bố trí linh hoạt theo từng tuyến và từng ngày theo thực tế hành khách; Bến xe Giáp Bát tăng cường 300 lượt xe/ngày; Bến xe Nước Ngầm 500 lượt xe/ngày. Công ty TNHH MTV Đường sắt Hà Nội điều chỉnh lịch trình, kéo dài thêm giờ, tăng tần suất chạy tàu của 2 tuyến là tuyến 2A Cát Linh - Hà Đông và tuyến số 3 Nhổn - Ga Hà Nội nhằm phục vụ tối đa nhu cầu đi lại của người dân, du khách. Trong thời gian này, các bến xe trên địa bàn Hà Nội chủ động phương án điều hành sát với diễn biến thực tế, đảm bảo tốt an ninh trật tự, an toàn xã hội, kiên quyết đấu tranh với các tệ nạn xã hội, nạn “cò khách”, hàng rong... gây mất an ninh trật tự trên bến xe; đảm bảo an toàn phòng chống cháy, nổ, vệ sinh môi trường, phục vụ tốt nhất nhu cầu đi lại của nhân dân và tạo điều kiện thuận lợi cho các đơn vị vận tải hoạt động trên các bến xe. Thành phố cũng chỉ đạo các cơ quan chức năng, tăng cường kiểm tra, giám sát, siết chặt kỷ cương trong việc thực hiện các quy định, thể lệ vận tải và đảm bảo chất lượng phục vụ hành khách của những đơn vị vận tải. Kiên quyết không để xảy ra tình trạng xe chờ quá tải, bán vé cao hơn giá quy định...; kịp thời phát hiện và xử lý những trường hợp phương tiện, người lái không đầy đủ giấy tờ, hoặc giấy tờ không hợp lệ.

5.3. Hoạt động du lịch

Với vai trò là điểm đến Trung tâm của chuỗi hoạt động kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám thành công và Quốc khánh 2/9, thành phố Hà Nội đã triển khai nhiều hoạt động văn hóa, nghệ thuật, du lịch đặc sắc, chào đón du khách trong nước và quốc tế với các sản phẩm du lịch tiêu biểu chia theo 8 nhóm chủ đề: Di sản - Văn hóa - Lịch sử; Sinh thái - Nghỉ dưỡng - Thiên nhiên; Ẩm thực - Mua sắm - Trải nghiệm phố thị; Nghệ thuật - Đêm - Sáng tạo; Dịch vụ khách sạn; Giao thông - Metro - Đường thủy - Hàng không; Nông nghiệp - Làng nghề - Nông thôn mới và Liên kết vùng - Kết nối quốc tế.

Tổng lượng khách du lịch đến Hà Nội⁵ trong tháng Tám ước đạt 695 nghìn lượt người, tăng 26,2% so với tháng trước và tăng 33,3% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng năm 2025, khách du lịch đến Hà Nội đạt 4.890 nghìn lượt người, tăng 21,4% so với cùng kỳ năm trước. Trong đó:

Khách quốc tế tháng Tám ước đạt 455 nghìn lượt người, tăng 26,5% so với tháng trước và tăng 29,7% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng năm 2025, khách quốc tế đạt 3.397 nghìn lượt người, tăng 21,5% so với cùng kỳ năm 2024, trong đó khách đến từ Trung Quốc 411 nghìn lượt người, tăng 28,2%; Hàn Quốc 338 nghìn lượt người, tăng 2,6%; Mỹ 212,5 nghìn lượt người, tăng 15,1%; Anh 190,1 nghìn lượt người, tăng 22,6%; Nhật Bản 187 nghìn lượt người, tăng 13%; Australia 185,1 nghìn lượt người, tăng 20,1%; Đài Loan 183,1

⁵ Khách du lịch đến Hà Nội gồm khách quốc tế và khách nội địa chỉ tính do cơ sở lưu trú phục vụ.

nghìn lượt người, tăng 2,8%; Pháp 181 nghìn lượt người, tăng 35,2%; Đức 111,4 nghìn lượt người, tăng 17,8%; Malaysia 74,1 nghìn lượt người, tăng 5,9%; Singapore 62,9 nghìn lượt người, tăng 5,1%; Canada 58,1 nghìn lượt người, tăng 17,4%; Thái Lan 45,6 nghìn lượt người, giảm 0,7%.

Khách nội địa tháng Tám ước đạt 240 nghìn lượt người, tăng 25,6% so với tháng trước và tăng 40,8% so với cùng kỳ năm trước. Tính chung 8 tháng năm 2025, khách nội địa đến Hà Nội đạt 1.493 nghìn lượt người, tăng 21,2% so với cùng kỳ năm 2024.

Về hoạt động lữ hành và hướng dẫn viên: Tính đến tháng 8/2025 trên địa bàn Hà Nội có 2.075 doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành quốc tế; 568 doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nội địa; 32 doanh nghiệp kinh doanh vận chuyển khách du lịch, 7 văn phòng đại diện doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ lữ hành nước ngoài; 6.613 hướng dẫn viên du lịch quốc tế; 2.485 hướng dẫn viên du lịch nội địa và 158 hướng dẫn viên tại điểm du lịch đang hoạt động.

Tình hình hoạt động của cơ sở lưu trú, cơ sở phục vụ khách du lịch: Đến nay trên địa bàn Thành phố có 58 cơ sở kinh doanh dịch vụ được công nhận đạt chuẩn phục vụ khách du lịch, trong đó 25 cơ sở kinh doanh dịch vụ ăn uống, 22 cơ sở kinh doanh dịch vụ mua sắm, 9 cơ sở kinh doanh vui chơi giải trí và 2 cơ sở kinh doanh dịch vụ chăm sóc sức khỏe. Hệ thống các cơ sở dịch vụ mua sắm, ăn uống, vui chơi giải trí đạt tiêu chuẩn phục vụ khách du lịch đã thu hút lượng lớn du khách và người dân đến thăm quan và mua sắm. Tính đến cuối tháng 8/2025, trên địa bàn Thành phố có 3.761 cơ sở lưu trú du lịch với 71,3 nghìn phòng, trong đó 85 khách sạn, khu căn hộ được xếp hạng từ 1 đến 5 sao⁶ với gần 12 nghìn phòng. Trong tháng Tám, công suất sử dụng phòng trung bình khối khách sạn tăng cao so với cùng kỳ năm 2024.

Thống kê tình hình khách du lịch dịp nghỉ Lễ quốc khánh 2/9:

Dịp nghỉ lễ Quốc Khánh năm nay kéo dài 4 ngày nên nhu cầu nghỉ ngơi, đi du lịch của người dân tăng cao. Theo Báo cáo từ Sở Du lịch Thành phố, trong 4 ngày nghỉ Lễ, Hà Nội đón gần 2,1 triệu lượt khách, gấp 3 lần cùng kỳ năm 2024, trong đó khách quốc tế đón hơn 80 nghìn lượt, tăng 35%. Tổng thu du lịch dịp này đạt gần 4,5 nghìn tỷ đồng, tăng 80% so với cùng kỳ 2024.

Khối khách sạn 3-5 sao có công suất sử dụng phòng cao, nhiều khách sạn đạt công suất 100% vào ngày 01/9 như Novotel Thái Hà, Novotel Suites, Lacasa Hà Nội, Bảo Sơn, Grand Mercue. Công suất phòng trung bình khối khách sạn, căn hộ du lịch ước đạt 83%, tăng gần 23 điểm phần trăm so với cùng kỳ năm

⁶ Cụ thể: Có 23 khách sạn và 07 khu căn hộ xếp hạng 5 sao; 16 khách sạn và 01 khu căn hộ xếp hạng 4 sao; 12 khách sạn 3 sao; 14 khách sạn 2 sao và 12 khách sạn 1 sao. Số cơ sở lưu trú du lịch chưa đăng ký xếp hạng là 3.676 cơ sở lưu trú với 59,3 nghìn phòng.

ngoài. Bên cạnh sự kiện diễu binh kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9 (A80), Hà Nội tổ chức nhiều hoạt động thu hút khách dịp này như "Sắc Đỏ Ba Đình", chuỗi hoạt động quảng bá du lịch, văn hóa, lịch sử Hà Nội; triển lãm 80 năm hành trình Độc lập - Tự do - Hạnh phúc diễn ra tại Trung tâm hội chợ triển lãm quốc gia - Đông Anh, thu hút hơn 1 triệu lượt khách đến tham quan. Tại các điểm đến du lịch trên địa bàn Thành phố cũng thu hút lượng lớn du khách như: Khu di tích Hoàng Thành Thăng Long đón 33 nghìn lượt khách; Di tích Nhà tù Hỏa Lò 26 nghìn lượt khách; Di tích Văn Miếu - Quốc Tử Giám 18 nghìn lượt khách; Di tích Cổ Loa 5,7 nghìn lượt khách; Vườn thú Hà Nội 33 nghìn lượt khách; Vườn Quốc gia Ba Vì 3,2 nghìn lượt khách và Khu du lịch Ao Vua 2 nghìn lượt khách.

Trong dịp 2/9, các tour du lịch nội đô (City tour) và tour lịch sử về nguồn "bùng nổ", nhiều công ty du lịch kín tour từ trước đó 1-2 tháng. Theo tổng hợp từ các doanh nghiệp lữ hành, năm nay nhiều du khách có xu hướng chọn du lịch sớm (từ 27-28/8) để kịp về trước 2/9 xem Lễ diễu binh, diễu hành. Theo sơ liệu ước tính lượng khách đi tour nội địa dịp này tại công ty lữ hành chiếm 60% trong tổng số tour.

Khách du lịch đến Hà Nội 8 tháng năm 2025

(So với cùng kỳ năm trước)



5.4. Xuất, nhập khẩu hàng hóa

Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa tháng Tám ước tính đạt 1.922 triệu USD, tăng 2,4% so với tháng trước và tăng 0,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Khu vực kinh tế trong nước 1.053 triệu USD, tăng 2,5% và giảm 6,9%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 869 triệu USD, tăng 2,3% và tăng 10,3%. Trong tháng, một số nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng so với cùng kỳ như: Máy móc thiết bị phụ tùng 316 triệu USD, tăng 51,6%; phương tiện vận tải và phụ

tùng 286 triệu USD, tăng 9,8%; hàng nông sản 127 triệu USD, tăng 12,5%; giày dép và sản phẩm từ da 47 triệu USD, tăng 47,9%. Một số nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu giảm so với cùng kỳ: Máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện 287 triệu USD, giảm 10,2%; hàng dệt may 243 triệu USD, giảm 6,9%; xăng dầu 59 triệu USD, giảm 31,3%; gỗ và sản phẩm từ gỗ 57 triệu USD, giảm 18,4%; thủy tinh và sản phẩm từ thủy tinh 30 triệu USD, giảm 4,3%; hàng hóa khác 440 triệu USD, giảm 10,7%.

Tính chung 8 tháng năm 2025, kim ngạch xuất khẩu hàng hóa ước tính đạt 13,8 tỷ USD, tăng 10,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Khu vực kinh tế trong nước 7,8 tỷ USD, tăng 5,5%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 6 tỷ USD, tăng 17,1%. Một số nhóm hàng có kim ngạch xuất khẩu tăng so với cùng kỳ như: Máy móc thiết bị phụ tùng 2.109 triệu USD, tăng 41%; phương tiện vận tải và phụ tùng 1.922 triệu USD, tăng 29,3%; máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện 1.874 triệu USD, tăng 1,6%; hàng dệt may 1.593 triệu USD, tăng 6,4%; hàng nông sản 1.060 triệu USD, tăng 5%; hàng hóa khác 3.566 triệu USD, tăng 15,3%. Có 2/12 nhóm hàng kim ngạch xuất khẩu giảm so với cùng kỳ: Xăng dầu 398 triệu USD, giảm 57,1%; hàng gốm sứ 137 triệu USD, giảm 5%.

Kim ngạch xuất, nhập khẩu hàng hóa 8 tháng năm 2025

(So với cùng kỳ năm trước)



Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa tháng Tám ước tính đạt 4.160 triệu USD, tăng 0,2% so với tháng trước và tăng 14,1% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Khu vực kinh tế trong nước 3.345 triệu USD, tăng 0,2% và tăng 10,2%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 815 triệu USD, giảm 1,3% và tăng 33,6%. Một số nhóm hàng có kim ngạch nhập khẩu tăng so với cùng kỳ: Máy móc thiết bị, phụ tùng 826 triệu USD, tăng 27,7%; xăng dầu 402 triệu USD, tăng 36,2%; phương tiện vận tải và phụ tùng 372 triệu USD, tăng 85,6%; máy vi tính, hàng điện tử và

linh kiện 370 triệu USD, tăng 46,8%; kim loại khác 184 triệu USD, tăng 42,9%; sắt thép 182 triệu USD, tăng 5,3%; chất dẻo 130 triệu USD, tăng 9,5%; vải 90 triệu USD, tăng 15,2%; sản phẩm từ chất dẻo 83 triệu USD, tăng 18,3%... Trong tháng, 3/14 nhóm hàng có kim ngạch nhập khẩu giảm so với cùng kỳ: Thức ăn gia súc 64 triệu USD, giảm 9,3%; ngô 49 triệu USD, giảm 34,1%; hàng hóa khác 1.279 triệu USD, giảm 10,3%.

Tính chung 8 tháng năm 2025, kim ngạch nhập khẩu hàng hóa ước tính đạt 30,5 tỷ USD, tăng 13,5% so với cùng kỳ năm trước, trong đó: Khu vực kinh tế trong nước 24,9 tỷ USD, tăng 11,1%; khu vực có vốn đầu tư nước ngoài 5,6 tỷ USD, tăng 25,5%. Một số nhóm hàng có kim ngạch nhập khẩu tăng so với cùng kỳ: Máy móc thiết bị, phụ tùng 6.028 triệu USD, tăng 33,7%; phương tiện vận tải và phụ tùng 2.505 triệu USD, tăng 66,2%; máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện 2.259 triệu USD, tăng 34,5%; sắt thép 1.483 triệu USD, tăng 7,8%; kim loại khác 1.259 triệu USD, tăng 30,2%; chất dẻo 972 triệu USD, tăng 14,4%; vải 687 triệu USD, tăng 6,5%; hàng hóa khác 9.847 triệu USD, tăng 2,9%. Có 2/14 nhóm hàng kim ngạch nhập khẩu giảm so với cùng kỳ: Xăng dầu 2.838 triệu USD, giảm 13,5%; ngô 359 triệu USD, giảm 23,4%.

6. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng và đô la Mỹ

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) tháng 8/2025 tăng 0,22% so với tháng trước, tăng 2,35% so với tháng 12/2024 và tăng 3,98% so với cùng kỳ năm trước. CPI bình quân 8 tháng năm nay tăng 3,37% so với bình quân cùng kỳ năm 2024.

Trong tháng Tám, 11/11 nhóm hàng CPI tăng so với tháng trước, trong đó: Nhóm văn hóa, giải trí, du lịch tăng 0,6% (tác động làm tăng CPI chung 0,03%) do thời gian này Thành phố là nơi diễn ra chuỗi hoạt động kỷ niệm 80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9 đã thu hút lượng lớn khách đến tham quan nên giá dịch vụ văn hóa, giải trí, du lịch tăng cao; đây cũng là nguyên nhân khiến nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 0,41% (tác động làm tăng CPI chung 0,13%) chủ yếu do ăn uống ngoài gia đình tăng 0,54% và giá thực phẩm tăng 0,41%. Nhóm giáo dục tăng 0,21% (tác động làm tăng CPI chung 0,02%) do học sinh, sinh viên chuẩn bị bước vào năm học mới nên chi phí cho hoạt động giáo dục tăng lên. Nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 0,13% (tác động làm tăng CPI chung 0,03%) do sản lượng điện, nước tiêu thụ trong tháng tăng làm bình quân giá điện tăng 1,1%; bên cạnh đó giá nhà cho thuê tăng 0,84%; giá vật liệu bảo dưỡng nhà ở tăng 0,25%. Nhóm giao thông tăng 0,13% (tác động làm tăng CPI chung 0,01%) do trong tháng giá bảo dưỡng phương tiện đi lại tăng 0,35%, phụ tùng tăng 0,34%. Các nhóm còn lại CPI tăng nhẹ: Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 0,09%; thiết bị và đồ dùng gia đình tăng 0,05%; đồ uống và thuốc lá tăng 0,03%; thuốc và dịch vụ y tế tăng 0,02%; bưu chính viễn thông tăng 0,01%; hàng hóa và dịch vụ khác tăng 0,08%.

CPI tháng Tám và bình quân 8 tháng năm 2025



Bình quân 8 tháng năm 2025, CPI tăng 3,37% so với bình quân cùng kỳ năm trước, trong đó 8/11 nhóm hàng CPI bình quân tăng: Nhóm thuốc và dịch vụ y tế tăng 14,99% (tác động làm CPI chung tăng 0,76%) do ngày 10/12/2024 Hội đồng nhân dân thành phố Hà Nội ra Nghị quyết 45/2024/NQ-HĐND Quy định giá cụ thể dịch vụ khám bệnh, chữa bệnh tại các cơ sở khám bệnh, chữa bệnh của Nhà nước thuộc thành phố Hà Nội quản lý theo đó giá dịch vụ khám, chữa bệnh tại các bệnh viện trên địa bàn Thành phố sẽ điều chỉnh tăng áp dụng mức giá mới. Nhóm nhà ở, điện, nước, chất đốt và vật liệu xây dựng tăng 8,19% (tác động làm CPI tăng 1,67%), trong đó giá nhà thuê tăng 10,91%; giá điện tăng 6,63%; giá nước sạch tăng 3,16%. Nhóm văn hóa, giải trí, du lịch tăng 4,03% (tác động làm CPI tăng 0,19%). Nhóm hàng ăn và dịch vụ ăn uống tăng 2,82% (tác động làm CPI tăng 0,88%), trong đó ăn uống ngoài gia đình tăng 4,4%; giá lương thực tăng 3,68%; thực phẩm tăng 2,11%. Nhóm may mặc, mũ nón, giày dép tăng 1,98% (tác động làm CPI tăng 0,11%). Nhóm đồ uống và thuốc lá tăng 1,69% (tác động làm CPI tăng 0,03%). Nhóm thiết bị, đồ dùng gia đình tăng 0,9% (tác động làm CPI tăng 0,06%). Nhóm hàng hóa và dịch vụ khác tăng 4,58% (tác động làm CPI tăng 0,16%) chủ yếu do giá đồ trang sức tăng 49,87%; giá dịch vụ bảo hiểm y tế tăng 21,74%. Có 3/11 nhóm hàng CPI bình quân 8 tháng năm 2025 giảm: Nhóm giao thông giảm 2,89% (tác động làm CPI giảm 0,28%); giáo dục giảm 1,22% (tác động làm CPI giảm 0,1%); bưu chính viễn thông giảm 0,74% (tác động làm CPI giảm 0,02%).

Chỉ số giá vàng tháng Tám tăng 1,34% so với tháng trước, tăng 41,98% so với tháng 12/2024 và tăng 54,68% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 8 tháng năm 2025, chỉ số giá vàng tăng 47,59% so với bình quân cùng kỳ năm 2024.

Chỉ số giá đô la Mỹ tháng Tám tăng 0,42% so với tháng trước, tăng 3,67% so với tháng 12/2024 và tăng 4,32% so với cùng kỳ năm trước. Bình quân 8 tháng năm 2025, chỉ số giá đô la Mỹ tăng 3,47% so với bình quân cùng kỳ năm 2024.

Chỉ số giá bình quân một số nhóm hàng 8 tháng năm 2021 – 2025

(So với bình quân cùng kỳ năm trước)

Đơn vị tính: %

	8T/2021	8T/2022	8T/2023	8T/2024	8T/2025
Chỉ số giá tiêu dùng	101,49	103,37	100,96	105,24	103,37
<i>Trong đó:</i>					
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	99,75	102,84	103,52	103,23	102,82
Nhà ở, điện, nước, chất đốt, VLXD	103,48	103,86	100,65	106,23	108,19
Thuốc và dịch vụ y tế	100,24	100,44	100,34	104,52	114,99
Giao thông	107,09	115,06	96,25	102,34	97,11
Giáo dục	102,71	98,36	95,57	129,33	98,78
Văn hóa, giải trí và du lịch	97,20	104,49	102,55	100,93	104,03
Chỉ số giá vàng	112,47	102,43	102,46	128,72	147,59
Chỉ số giá đô la Mỹ	99,04	100,13	102,53	105,72	103,47

7. Tài chính, ngân hàng và thị trường chứng khoán

7.1. Thu, chi ngân sách⁷

Tổng thu ngân sách Nhà nước trên địa bàn 8 tháng năm 2025 thực hiện 471,1 nghìn tỷ đồng, đạt 91,7% dự toán pháp lệnh năm và tăng 36,5% so với cùng kỳ năm 2024, trong đó: Thu nội địa 446,3 nghìn tỷ đồng, đạt 92,5% và tăng 37,1%; thu từ dầu thô 1,8 nghìn tỷ đồng, đạt 42,7% và bằng 65%; thu từ hoạt động xuất nhập khẩu 22,9 nghìn tỷ đồng, đạt 83,7% và tăng 35%.

Một số lĩnh vực thu chủ yếu trong thu nội địa 8 tháng năm 2025: Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước thực hiện 55,8 nghìn tỷ đồng, đạt 69,3% dự toán năm và bằng 97% so cùng kỳ năm 2024; khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài 23,1 nghìn tỷ đồng, đạt 75,9% và tăng 6,1%; khu vực doanh nghiệp ngoài Nhà nước 95,6 nghìn tỷ đồng, đạt 90,2% và tăng 36,5%; thuế thu nhập cá nhân 43,1 nghìn tỷ đồng, đạt 86,1% và tăng 24,2%; thu tiền sử dụng đất 79,1 nghìn tỷ đồng, vượt 64,8% và gấp 4,3 lần cùng kỳ; thu phí và lệ phí 16,5 nghìn tỷ đồng, đạt 70% và tăng 2,7%; thu lệ phí trước bạ 5,4 nghìn tỷ đồng, đạt 74,5% và tăng 17,3%.

⁷ Theo Báo cáo của Sở Tài chính Hà Nội cập nhật đến ngày 28/8/2025.

Chi ngân sách địa phương 8 tháng năm 2025 thực hiện 79,2 nghìn tỷ đồng, đạt 43,2% dự toán năm và tăng 33,5% so với cùng kỳ năm 2024, trong đó: Chi thường xuyên 44 nghìn tỷ đồng, đạt 60,2% và tăng 30,8%; chi đầu tư phát triển 35,2 nghìn tỷ đồng, đạt 34,4% và tăng 37,1%.

7.2. Tín dụng ngân hàng⁸

Tình hình thực hiện lãi suất: Tháng Tám, Ngân hàng Nhà nước Việt Nam (NHNN Việt Nam) tiếp tục giữ nguyên các mức lãi suất điều hành, tạo điều kiện cho các Tổ chức tín dụng (TCTD) tiếp cận nguồn vốn từ NHNN Việt Nam với chi phí thấp để hỗ trợ nền kinh tế. Trong tháng 8/2025 lãi suất tiền gửi bằng VND bình quân của các Ngân hàng thương mại (NHTM) trong nước phổ biến ở mức 0,05 - 0,5%/năm đối với tiền gửi không kỳ hạn và có kỳ hạn dưới 1 tháng; 1,6 - 4,5%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 1 tháng đến dưới 6 tháng; 1,9 - 5,8%/năm đối với tiền gửi có kỳ hạn từ 6 tháng đến dưới 12 tháng; kỳ hạn từ 12 tháng trở lên ở mức 4,5 - 6,1%/năm. Lãi suất cho vay bình quân của NHTM trong nước với các khoản vay mới và cũ còn dư nợ ở mức 6,5 - 8,8%/năm. Lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa bằng VND đối với một số ngành lĩnh vực ưu tiên (nông nghiệp, nông thôn, xuất khẩu, doanh nghiệp nhỏ và vừa, công nghiệp hỗ trợ, doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao) bình quân khoảng 3,9%/năm thấp hơn mức lãi suất cho vay ngắn hạn tối đa theo quy định của NHNN Việt Nam (4%/năm).

Hoạt động huy động vốn: Ước đến cuối tháng 8/2025, tổng nguồn vốn huy động của các TCTD trên địa bàn Thành phố ước tính đạt 6.590 nghìn tỷ đồng, tăng 0,62% so với tháng trước và tăng 8,75% so với thời điểm kết thúc năm 2024, trong đó tiền gửi đạt 5.801 nghìn tỷ đồng⁹, tăng 0,64% và tăng 8,5%; phát hành giấy tờ có giá đạt 789 nghìn tỷ đồng, tăng 0,5% và tăng 10,63%.

Hoạt động tín dụng: Ước đến cuối tháng 8/2025, tổng dư nợ tín dụng trên địa bàn Thành phố đạt 5.307 nghìn tỷ đồng, tăng 1,13% so với tháng trước và tăng 17,79% so với thời điểm kết thúc năm 2024, trong đó dư nợ cho vay ngắn hạn đạt 2.289 nghìn tỷ đồng, tăng 1,27% và tăng 18,96%; dư nợ trung hạn và dài hạn đạt 3.018 nghìn tỷ đồng, tăng 1,02% và tăng 16,92%. Tính đến cuối tháng 8/2025, tỷ lệ nợ xấu của các TCTD chiếm 1,59% trong tổng dư nợ. Hoạt động tín dụng ngân hàng trên địa bàn đáp ứng nhu cầu vốn cho doanh nghiệp, người dân để duy trì và phát triển sản xuất kinh doanh, thương mại dịch vụ, thúc đẩy tăng trưởng kinh tế xã hội của thành phố Hà Nội, góp phần tăng nguồn thu ngân sách, hỗ trợ quá trình tái cơ cấu lại nền kinh tế theo hướng công nghiệp hóa, hiện đại hóa gắn với phát triển bền vững.

⁸ Theo Báo cáo của Ngân hàng Nhà nước chi nhánh Khu vực I.

⁹ Tiền gửi tiết kiệm đạt 1.869 nghìn tỷ đồng, tăng 0,77% so với tháng trước và tăng 9,91% so với thời điểm kết thúc năm 2024; tiền gửi có kỳ hạn (tiêu thức mới theo quy định của NHTW) đạt 2.699 nghìn tỷ đồng, tăng 0,45% và tăng 6,9%; tiền gửi thanh toán đạt 1.233 nghìn tỷ đồng tăng 0,85% và tăng 9,98%.

Tín dụng ngân hàng tính đến cuối tháng Tám năm 2025
(So với thời điểm cuối năm 2024)



Dư nợ cho vay theo chương trình tín dụng trên địa bàn Thành phố: Cho vay theo chương trình kết nối ngân hàng - doanh nghiệp chiếm 10,59% trong tổng dư nợ; cho vay đối với doanh nghiệp nhỏ và vừa chiếm 20,5%; chương trình nông nghiệp, nông thôn chiếm 10,8%; cho vay xuất khẩu chiếm 5,09%; cho vay công nghiệp hỗ trợ chiếm 2,42%; cho vay doanh nghiệp ứng dụng công nghệ cao chiếm 0,38%.

7.3. Thị trường chứng khoán

Tính đến hết ngày 25/8/2025, trên cả hai sàn giao dịch chứng khoán (HNX và Upcom) do Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội quản lý có 1.193 doanh nghiệp niêm yết và đăng ký giao dịch, trong đó HNX có 305 doanh nghiệp và Upcom có 888 doanh nghiệp. Giá trị niêm yết trên cả hai sàn đạt 649,6 nghìn tỷ đồng, giảm 0,5% so với cuối tháng trước và tăng 7,7% so với cùng kỳ năm trước, trong đó HNX đạt 169,6 nghìn tỷ đồng, tăng 0,43% và tăng 8,07%; Upcom đạt 480 nghìn tỷ đồng, tăng 0,49% và tăng 7,58%. Giá trị vốn hóa toàn thị trường tại thời điểm đóng cửa phiên giao dịch ngày 25/8/2025 đạt 1.758 nghìn tỷ đồng, giảm 4% so với cuối tháng trước và giảm 2,3% so với cùng kỳ năm trước, trong đó HNX đạt 394 nghìn tỷ đồng, giảm 1,14% và tăng 18,9%; Upcom đạt 1.364 nghìn tỷ đồng, giảm 4,78% và giảm 7,07%.

Thị trường cổ phiếu niêm yết (HNX): Tính đến hết giao dịch ngày 25/8/2025, khối lượng trung bình 1 ngày/tháng đạt 182,4 triệu CP được chuyển nhượng, tăng 16,4% so với trung bình 1 ngày/tháng trước và gấp 3 lần trung bình 1 ngày/tháng cùng kỳ năm trước; giá trị giao dịch đạt 4,05 nghìn tỷ đồng, tăng 40,1% và gấp 3,3 lần. Trong đó, giao dịch khớp lệnh (định kỳ và liên tục) trung bình 1 ngày/tháng đạt 178,1 triệu CP, tăng 17,2% và gấp 3,2 lần; giá trị đạt

3,92 nghìn tỷ đồng, tăng 39,6% và gấp 3,7 lần. Tính chung 8 tháng năm 2025, khối lượng giao dịch đạt 15,4 tỷ CP với giá trị chuyển nhượng đạt 279,8 nghìn tỷ đồng.

Hoạt động cấp mã giao dịch và số tài khoản của các nhà đầu tư (NĐT): Tháng Bảy, Trung tâm Lưu ký chứng khoán Việt Nam đã cấp mới được 208 mã số giao dịch cho các NĐT nước ngoài (tổ chức 27 mã giao dịch; cá nhân 181 mã giao dịch). Số tài khoản giao dịch của các NĐT được cấp mới đến hết tháng 7 đạt 1.198 nghìn tài khoản.

II. MỘT SỐ VẤN ĐỀ XÃ HỘI

1. Công tác tổ chức phục vụ hoạt động Kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám thành công và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam của thành phố Hà Nội

Ngay từ đầu tháng Sáu, thành phố Hà Nội đã có Kế hoạch Tổ chức thực hiện và thành lập các Tiểu ban, Tiểu ban Vật chất, hậu cần phân công nhiệm vụ cụ thể để phục vụ chuỗi hoạt động kỷ niệm, Lễ kỷ niệm, diễu binh, diễu hành 80 năm Cách mạng tháng Tám thành công (19/8/1945 - 19/8/2025) và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam (2/9/1945 - 2/9/2025) trên địa bàn.

Thành phố phối hợp các đơn vị có liên quan lập danh sách khách mời đại biểu lãnh đạo, nguyên lãnh đạo Đảng và Nhà nước; các ban, bộ, ngành, đoàn thể Trung ương, các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Cán bộ lão thành cách mạng, các Mẹ Việt Nam anh hùng, Anh hùng Lực lượng vũ trang nhân dân, Anh hùng Lao động, nhân chứng lịch sử; đại biểu thành phố Hà Nội; đại biểu các gia đình thương binh, liệt sĩ, gia đình có công với nước. Đồng thời tổ chức đưa đón, bố trí ăn, nghỉ, tặng quà, hướng dẫn lịch trình thời gian, địa điểm cụ thể đối với đại biểu các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương về tham dự Lễ kỷ niệm, diễu binh, diễu hành.

Thành phố thực hiện trang trí lễ đài, khán đài; lắp đặt màn hình LED, hệ thống loa phát thanh tại Quảng trường Ba Đình nơi diễn ra Lễ kỷ niệm, diễu binh, diễu hành và trên các đường phố nơi tập trung đông người. Ra mắt trang Web chính thức Cổng thông tin điện tử A80, cung cấp thông tin đầy đủ về các hoạt động kỷ niệm với 757 tin, bài. Đẩy mạnh thông tin, tuyên truyền tới hơn 50 cơ quan báo chí Trung ương và Thành phố với 1.300 tin, bài và hàng ngàn bức ảnh tuyên truyền kỷ niệm “80 năm Cách mạng Tháng Tám và Quốc khánh 2/9”. Các cơ quan báo chí cũng tích cực đẩy mạnh truyền thông đa phương tiện, thu hút hàng triệu lượt tiếp cận, chia sẻ trên mạng xã hội, tạo hiệu ứng mạnh mẽ với người xem, đặc biệt các công chúng trẻ. Trang trí, tuyên truyền cổ động trực quan kỷ niệm bằng các hình thức tuyên truyền cổ động trực quan, trang trí chiếu

sáng mỹ thuật, dải hoa, thảm hoa theo chủ đề kỷ niệm 80 năm trên địa bàn Thành phố với 84 cụm pano tương đương với 650m² (bao gồm pano 2 mặt, 3 mặt, 4 mặt) tại một số vị trí khu vực trung tâm; trang trí 400 pano có khung sắt di động trên các trục đường, tuyến phố chính; trang trí 1.680 chiếc băng rôn dọc, 40 cột cờ, 08 cụm hồng kỳ, 2.524 Quốc kỳ...

Đảm bảo công tác vệ sinh môi trường, vệ sinh đường phố xanh - sạch - đẹp đặc biệt tại địa điểm tổ chức Lễ kỷ niệm, diễu binh, diễu hành; lắp đặt, bố trí nhà vệ sinh lưu động, xe vận hành, bố trí lực lượng vận hành hệ thống nhà vệ sinh công cộng phục vụ đại biểu, các lực lượng tham gia và Nhân dân, du khách. Tổ chức phân luồng giao thông trên các tuyến đường, phố xung quanh nơi diễn ra hợp luyện, sơ duyệt, tổng duyệt và Lễ kỷ niệm, diễu binh, diễu hành; xây dựng vị trí đỗ xe cho đại biểu và lực lượng quần chúng nhân dân tham dự Lễ. Điều chỉnh tổ chức giao thông, điều chỉnh luồng tuyến xe buýt, thu hồi tạm thời giải phân cách các tuyến đường trên các tuyến phố đoàn diễu binh, diễu hành, tại khu vực tập kết, khu vực tập trung đông người. Tăng cường công tác quản lý, bảo trì hệ thống chiếu sáng đường phố, thoát nước, cây xanh, đường giao thông đảm bảo an toàn giao thông, phòng chống úng ngập trên địa bàn Thành phố, đặc biệt là các tuyến đường tổ chức Lễ kỷ niệm, diễu binh, diễu hành; trang trí thảm hoa khu vực trung tâm chính trị Ba Đình, trung tâm Thành phố và các tuyến đường cửa ngõ Thủ đô. Đảm bảo công tác y tế, phòng chống dịch, trực cấp cứu, bố trí xe cứu thương, bác sỹ và phương tiện, thuốc, vật tư y tế, an toàn vệ sinh, thực phẩm ... sẵn sàng cấp cứu tại khu vực luyện tập, hợp luyện, sơ duyệt, tổng duyệt và Lễ kỷ niệm, diễu binh, diễu hành.

Công tác phát nhu yếu phẩm phục vụ buổi Sơ duyệt (20h ngày 27/8/2025) với 112,3 nghìn chai nước; 35,4 nghìn hộp sữa; 135,7 nghìn cái bánh; buổi Tổng duyệt (6h30 ngày 30/8/2025) với 164,5 nghìn chai nước; 77,1 nghìn hộp sữa và 257,8 nghìn cái bánh; Lễ kỷ niệm, diễu binh, diễu hành (6h30 ngày 02/9/2025) với 260,1 nghìn chai nước; 108,6 nghìn hộp sữa và 427,1 nghìn cái bánh.

2. Bảo đảm an sinh xã hội

Trong tháng Tám, thành phố Hà Nội thực hiện tốt việc chăm lo, thăm hỏi, tặng quà các đối tượng chính sách, Bà mẹ Việt Nam anh hùng, cán bộ lão thành cách mạng nhân dịp Kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám và Quốc khánh 2/9. Trong tháng, phong trào “Ngày Chủ nhật xanh”, tổng vệ sinh môi trường, chỉnh trang các nghĩa trang liệt sỹ và nhà bia tưởng niệm được phát động; “Lễ thấp nển tri ân các Anh hùng liệt sỹ” cấp Thành phố được tổ chức lúc 19 giờ ngày 26/7 tại Nghĩa trang Liệt sỹ thành phố Hà Nội đồng thời tổ chức đồng loạt tại 126 xã, phường. Bên cạnh đó, Thành phố đã có nhiều hoạt động “Đền ơn, đáp nghĩa”,

“Uống nước nhớ nguồn”, thăm hỏi, tặng quà Mẹ Việt Nam anh hùng, khám, tư vấn, cấp phát thuốc miễn phí cho các đối tượng chính sách. Tại các xã, phường làm tốt công tác thăm hỏi, tặng quà các thương bệnh binh, gia đình người có công, xây mới, sửa chữa nhà ở, nâng cấp tiện nghi sinh hoạt góp phần động viên, chăm lo đời sống về vật chất và tinh thần. Nhân dịp này, Thành phố dành 120,7 nghìn xuất quà với tổng kinh phí 190,2 tỷ đồng tặng các đối tượng chính sách, người có công.

Cũng trong tháng, Thành phố đã tiếp nhận và giải quyết 1.321 hồ sơ đề nghị hưởng chế độ ưu đãi đối với người có công và thân nhân người có công; tính chung 8 tháng năm 2025 Thành phố đã tiếp nhận và giải quyết 7,5 nghìn hồ sơ hưởng chế độ người có công và thân nhân người có công. Tổng kinh phí chi cho công tác ưu đãi người có công trong 8 tháng năm nay là 2.245 tỷ đồng, trong đó thực hiện chi trả đầy đủ, kịp thời trợ cấp cho 76,5 nghìn người có công và thân nhân người có công đang hưởng trợ cấp ưu đãi hàng tháng với số tiền 1.658 tỷ đồng; chi trả trợ cấp một lần là 88 tỷ đồng; chi quà Tết nguồn Trung ương 36 tỷ đồng, quà Tết nguồn Thành phố 175 tỷ đồng; quà 30/4 nguồn Trung ương 60 tỷ đồng, nguồn Thành phố 185 tỷ đồng; chi điều dưỡng người có công 43 tỷ đồng.

Công tác điều dưỡng tập trung tại các Trung tâm Nuôi dưỡng và Điều dưỡng người có công, Thành phố đã triển khai thực hiện điều dưỡng tập trung cho 2.579 lượt người có công với kinh phí trên 15,5 tỷ đồng từ nguồn ngân sách Trung ương và Thành phố. Tính chung 8 tháng năm 2025, các Trung tâm đã triển khai thực hiện điều dưỡng tập trung cho 12,1 nghìn lượt người có công với kinh phí trên 72,7 tỷ đồng.

Tính đến cuối tháng Tám, toàn Thành phố có 203,3 nghìn đối tượng đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng. Thực hiện chăm sóc, nuôi dưỡng 3.016 đối tượng bảo trợ xã hội là người cao tuổi cô đơn, người khuyết tật, trẻ em bị mất nguồn nuôi dưỡng và các đối tượng bảo trợ xã hội khác tại các cơ sở trợ giúp xã hội của Thành phố với mức trợ cấp nuôi dưỡng thấp nhất là 1,8 triệu đồng/người/tháng (riêng trẻ em dưới 4 tuổi là 2,2 triệu đồng/tháng) và chi khác 350 nghìn đồng/tháng.

3. Giải quyết việc làm

Trong tháng 8/2025, Thành phố hỗ trợ, giải quyết việc làm cho 15,1 nghìn lao động, giảm 17,5% so với cùng kỳ năm 2024, trong đó: Thành phố ủy thác qua Ngân hàng Chính sách Xã hội cho các đối tượng nghèo, đối tượng chính sách vay với số tiền 486 tỷ đồng, giúp tạo việc làm cho 5,9 nghìn lao động; Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Nội tổ chức 23 phiên giao dịch việc làm giới

thiệu cho 1,7 nghìn lao động; số lao động được giải quyết việc làm qua hình thức xuất khẩu lao động là 313 người; các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ việc làm và qua các hình thức khác là 7,2 nghìn lao động.

Tính chung 8 tháng năm 2025, toàn Thành phố giải quyết việc làm cho 160 nghìn lao động, đạt 94,6% kế hoạch năm, tăng 2,5% so với cùng kỳ năm 2024. Trong đó: Thành phố ủy thác qua Ngân hàng Chính sách Xã hội cho các đối tượng nghèo, đối tượng chính sách vay với số tiền 3,5 nghìn tỷ đồng, giúp tạo việc làm cho 43 nghìn lao động; Trung tâm Dịch vụ việc làm Hà Nội tổ chức 173 phiên giao dịch việc làm giới thiệu cho 18,7 nghìn lao động; số lao động được giải quyết việc làm qua hình thức xuất khẩu lao động là 2,7 nghìn người; các doanh nghiệp cung ứng dịch vụ việc làm và qua các hình thức khác là 95,6 nghìn lao động.

Cũng trong tháng Tám, Thành phố đã ra quyết định hưởng bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) cho 6,3 nghìn người với số tiền được hỗ trợ là 207,4 tỷ đồng; có 3,8 nghìn người lao động hưởng trợ cấp BHTN được tư vấn giới thiệu việc làm mới; hỗ trợ học nghề cho 87 người với số tiền 348 triệu đồng.

Tính chung 8 tháng năm 2025, Thành phố đã ra quyết định hưởng BHTN cho 39 nghìn người, giảm 22,6% so với cùng kỳ năm 2024 với số tiền hỗ trợ gần 1,4 nghìn tỷ đồng, giảm 6,7% so với cùng kỳ năm 2024; có 26,3 nghìn người thất nghiệp được tư vấn giới thiệu việc làm mới; hỗ trợ học nghề cho 647 người với số tiền 2,6 tỷ đồng.

4. Bảo hiểm y tế và Bảo hiểm xã hội

Năm 2025, theo kế hoạch Thành phố giao: Tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm y tế (BHYT) chiếm 95,5% dân số. Tỷ lệ tham gia Bảo hiểm xã hội (BHXH) bắt buộc chiếm 47,5% số người trong độ tuổi lao động; số người tham gia BHXH tự nguyện chiếm 3,5%. Số người tham gia Bảo hiểm thất nghiệp (BHTN) chiếm 45% lực lượng lao động.

Theo Báo cáo của Bảo hiểm xã hội thành phố Hà Nội, ước tính đến cuối tháng Tám năm 2025 tỷ lệ bao phủ BHYT của Thành phố đạt 95,54% dân số¹⁰ (vượt 0,04% chỉ tiêu kế hoạch giao năm 2025), với 8.260 nghìn người tham gia, tăng 0,34% so với cuối tháng trước và tăng 3,23% so với cùng kỳ năm 2024. Có 2.274 nghìn người tham gia BHXH bắt buộc (chiếm 47,62% lực lượng trong độ tuổi lao động), vượt 0,12% kế hoạch, tăng 1,42% và tăng 8,33%. Hơn 131,1 nghìn người tham gia BHXH tự nguyện (chiếm 3,54%), vượt 0,04% kế hoạch, tăng 3,96% và tăng 41,8%. Số người tham gia BHTN là 2.210 nghìn người (chiếm 45,09%), vượt 0,09% kế hoạch, tăng 1,33% và tăng 8,58%.

¹⁰ Chưa bao gồm lực lượng vũ trang.

Tính đến cuối tháng 8/2025, tổng số tiền thu từ BHXH, BHYT, BHTN là 50,4 nghìn tỷ đồng, tăng 17,23% so với cùng kỳ năm trước. Tổng chi BHXH, BHYT, BHTN là 58,2 nghìn tỷ đồng, tăng 12,46% so với cùng kỳ năm 2024 (trong đó chi lương hưu, trợ cấp BHXH hàng tháng là 33 nghìn tỷ đồng; chi khám chữa bệnh BHYT 19,6 nghìn tỷ đồng).

5. Giáo dục, đào tạo và dạy nghề

Trong tháng Tám, các trường trên địa bàn Hà Nội đã hoàn thành xong công tác tuyển sinh các lớp đầu cấp mầm non, lớp 1, lớp 6, lớp 10 năm học 2025 - 2026, đây là năm thứ 10 thành phố Hà Nội triển khai tuyển sinh đầu cấp theo hình thức trực tuyến.

Năm học 2025-2026 Hà Nội dự kiến tuyển 95 nghìn trẻ mầm non; 52 nghìn trẻ mẫu giáo; 155 nghìn học sinh lớp 1; 161 nghìn học sinh lớp 6 và 87,5 nghìn học sinh lớp 10. Đến nay 100% các trường đã xếp lớp, phân công giáo viên giảng dạy, đồng thời chuẩn bị chu đáo cơ sở vật chất sẵn sàng chào đón năm học mới. Thành phố Hà Nội đã ban hành khung kế hoạch thời gian năm học 2025-2026 đối với giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn Thành phố. Theo đó, học sinh Hà Nội tựu trường sớm nhất trước 1 tuần so với ngày tổ chức Khai giảng; riêng đối với lớp 1, lớp 9, lớp 12 tựu trường sớm nhất trước 2 tuần so với ngày tổ chức Khai giảng. Toàn Thành phố tổ chức khai giảng vào 5/9/2025; kết thúc học kỳ I của Hà Nội trước ngày 18/01/2026; hoàn thành chương trình và kết thúc năm học trước ngày 31/5/2026.

Tính đến 31/5/2025, tỷ lệ trường đạt chuẩn quốc gia toàn Thành phố là 62,2% (1.767/2.841), trong đó công lập là 76,8% (1.746/2.272), không tính các trường đặc thù (có học sinh khuyết tật). Cụ thể mầm non đạt tỷ lệ 56,2% (652/1.160), trong đó công lập 79,2% (644/813); tiểu học đạt tỷ lệ 71,0% (549/775), trong đó công lập 75,5% (545/724); trung học cơ sở (THCS) đạt tỷ lệ 75,4% (496/660), trong đó công lập 80,9% (494/613); trung học phổ thông (THPT) đạt tỷ lệ 28,9% (71/246), trong đó công lập 51,6% (63/122).

Về giáo dục nghề nghiệp, hiện nay trên địa bàn Thành phố có 313 cơ sở giáo dục nghề nghiệp và cơ sở đăng ký hoạt động giáo dục nghề, trong đó: 67 trường cao đẳng, 58 trường trung cấp, 75 trung tâm giáo dục nghề nghiệp/dạy nghề và 113 doanh nghiệp, loại hình khác. Trong tháng 8/2025, các cơ sở có hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố đã tuyển sinh được 29,8 nghìn lượt người (trong đó 1 nghìn người trình độ cao đẳng; 1,4 nghìn người trình độ trung cấp; 27,4 nghìn người trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng). Tính chung 8 tháng năm 2025, các cơ sở có hoạt động giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố đã tuyển sinh được 150,2 nghìn lượt người (trong đó 8 nghìn

người trình độ cao đẳng; hơn 5,5 nghìn người trình độ trung cấp; 136,7 nghìn người trình độ sơ cấp và dưới 3 tháng), đạt 81,6% kế hoạch tuyển sinh năm 2025 và giảm 18,4% so với cùng kỳ năm trước.

6. Tình hình dịch bệnh

Theo Trung tâm Kiểm soát bệnh tật thành phố (CDC) Hà Nội, trong tháng Tám tình hình các dịch bệnh truyền nhiễm trên địa bàn Thủ đô cơ bản được kiểm soát, cụ thể như sau:

Bệnh Sốt xuất huyết Dengue có xu hướng tăng cao so với tháng trước, trong tháng ghi nhận 745 ca mắc, tăng 580 ca; cộng dồn từ đầu năm đến hết ngày 29/8/2025 Thành phố ghi nhận 1.220 ca mắc (cùng kỳ năm 2024 có 2.549 ca mắc). Bệnh Tay chân miệng ghi nhận 567 ca mắc, tăng 261 ca; cộng dồn từ đầu năm 3.860 ca mắc (cùng kỳ 1.879 ca mắc). Bên cạnh đó, số ca mắc Covid- 19 có xu hướng giảm mạnh, trong tháng ghi nhận 68 ca mắc, giảm 863 ca; cộng dồn từ đầu năm ghi nhận 2.199 ca mắc (cùng kỳ 1.190 ca mắc). Bệnh Sởi ghi nhận 57 ca mắc, giảm 518 ca; cộng dồn từ đầu năm có 4.352 ca mắc, 1 ca tử vong (cùng kỳ 2 ca mắc). Bệnh Ho gà ghi nhận 5 ca mắc, cộng dồn 24 ca mắc (cùng kỳ 224 ca mắc). Uốn ván ghi nhận 3 ca mắc, cộng dồn 22 ca mắc (cùng kỳ 12 ca mắc). Ngoài ra, các dịch bệnh như liên cầu lợn, thủy đậu, não mô cầu, viêm não Nhật bản trong tháng không ghi nhận ca mắc.

Theo CDC Hà Nội nhận định, trong thời gian qua một số dịch bệnh trên địa bàn Thành phố gia tăng do thời tiết diễn biến phức tạp, giao lưu đi lại của người dân các tỉnh, khách du lịch đến Thành phố tăng cao trong dịp tổ chức các hoạt động Kỷ niệm 80 năm Quốc khánh 2/9, CDC Hà Nội đã thực hiện phun hóa chất diệt côn trùng tại khu vực 10 điểm diễn ra các hoạt động sự kiện lớn, đồng thời phối hợp chặt chẽ với các đơn vị liên quan giám sát tình hình dịch bệnh để phát hiện sớm các trường hợp mắc bệnh, tổ chức điều tra, khoanh vùng, xử lý dịch. Để chủ động phòng chống dịch bệnh, CDC Hà Nội tiếp tục triển khai giám sát khu vực có ca bệnh, ổ dịch sốt xuất huyết đang hoạt động. Các Trạm Y tế phường, xã thực hiện giám sát phát hiện bệnh nhân đặc biệt là sốt xuất huyết, tay chân miệng, sởi, Covid-19 để kịp thời điều tra, xử lý ca bệnh, ổ dịch, không để dịch lây lan rộng. Tổ chức xử lý kịp thời, hiệu quả khu vực có bệnh nhân, ổ dịch sốt xuất huyết, tay chân miệng... đặc biệt tại các khu vực ổ dịch có nhiều bệnh nhân. Đồng thời, thường xuyên giám sát các chỉ số bọ gậy, muỗi truyền bệnh sốt xuất huyết tại các khu vực xuất hiện ca bệnh, ổ dịch cũ, các khu vực nguy cơ cao, từ đó triển khai các hoạt động đáp ứng kịp thời. Bên cạnh đó, các Trạm Y tế phối hợp chặt chẽ với ngành thú y để theo dõi sát tình hình dịch trên động vật và triển khai thực hiện các hoạt động liên ngành về phòng chống dịch bệnh lây truyền từ động vật sang người.

Cũng trong tháng Tám, Hà Nội tiếp tục đẩy mạnh công tác quản lý an toàn thực phẩm, kiểm soát thị trường, đấu tranh chống buôn bán hàng nhập lậu, hàng giả, hàng kém chất lượng, hàng không rõ nguồn gốc, vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm, chủ động phòng chống ngộ độc thực phẩm và các bệnh truyền nhiễm qua thực phẩm, không chế không để ngộ độc thực phẩm nhất là những nơi đông người gây tử vong góp phần giữ vững an ninh chính trị, ổn định an toàn xã hội và nâng cao đời sống người dân.

7. Hoạt động văn hóa, thể thao

Hoạt động văn hóa: Trong tháng Tám, tháng cao điểm diễn ra chuỗi các hoạt động kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám thành công và Quốc khánh nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam, thành phố Hà Nội đã phối hợp và chủ trì triển khai các hoạt động nổi bật như phối hợp với Ủy ban Trung ương Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tổ chức Hội nghị gặp mặt các đồng chí cán bộ lão thành, người có công với cách mạng, gia đình chính sách tiêu biểu tại miền Bắc; phối hợp với Viện Hàn lâm Khoa học xã hội Việt Nam tổ chức Hội thảo khoa học cấp Quốc gia kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám thành công và Quốc khánh 2/9; với Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức cuộc thi sáng tác tranh cổ động tuyên truyền về sự kiện; cùng Ban Tuyên giáo và Dân vận Trung ương, Đài Truyền hình Việt Nam tổ chức chương trình Cầu truyền hình trực tiếp “Thời cơ vàng” tại điểm cầu Hà Nội (khu vực Cột cờ Hà Nội - Trung tâm di sản văn hóa Thăng Long); cùng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch tổ chức Triển lãm thành tựu kinh tế - xã hội với không gian trưng bày 700 m² trong nhà và 15 nghìn m² không gian ngoài trời. Bên cạnh đó, Thành phố đã phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức nhiều chương trình nghệ thuật quy mô lớn, tạo hiệu ứng truyền thông tốt, lan tỏa tinh thần yêu nước trong dịp kỷ niệm như chương trình “Tổ quốc trong tim”; “Tự hào là người Việt Nam” và Chương trình concert quốc gia tại Trung tâm triển lãm quốc gia.

Cũng trong tháng Tám, Thành phố chủ trì tổ chức Hội nghị gặp mặt các đồng chí cán bộ lão thành, người có công với cách mạng, nguyên lãnh đạo qua các thời kỳ của thành phố Hà Nội gồm 383 đại biểu (trong đó 252 người có công tiêu biểu, Ban liên lạc các chiến sỹ Việt Minh Thành Hoàng Diệu là 23 người, nguyên lãnh đạo Thành phố qua các thời kỳ là 108 người). Hỗ trợ xây dựng mới hoặc cải tạo, sửa chữa nhà ở và thăm hỏi, tặng quà đối tượng hưởng chính sách, người có công. Khai mạc trưng bày triển lãm tại Di tích lịch sử 48 Hàng Ngang; tu bổ, tôn tạo, gắn biển các di tích lịch sử, cách mạng kháng chiến gắn với sự kiện 80 năm (22 di tích gắn biển hoàn thành công trình tu bổ tôn tạo; 01 di tích

gắn liền khởi công tu bổ) và tổ chức nhiều chương trình nghệ thuật chính luận đặc sắc phục vụ nhân dân như “Tổ quốc trong tim”, “Tôi là người Việt Nam”, “Hà Nội – từ mùa thu lịch sử năm 1945” kết hợp trình chiếu mapping tại Quảng trường Cách mạng tháng Tám và bắn pháo hoa tầm cao tối ngày 2/9/2025.

Cũng trong tháng, theo báo cáo của Sở Văn hóa và Thể thao Hà Nội, tại các di tích lịch sử trên địa bàn Thành phố đã tổ chức tiếp đón các cơ quan, đoàn thể và Nhân dân đến dâng hương, tham quan du lịch tất cả các ngày trong tuần với 279 nghìn lượt khách, doanh thu phí đạt 15,3 tỷ đồng; tính chung 8 tháng năm 2025, các di tích đã đón gần 2,6 triệu lượt khách tham quan, tăng 18% so với cùng kỳ; doanh thu phí tham quan 140,1 tỷ đồng, tăng 16,8%. Các đơn vị nghệ thuật tổ chức biểu diễn phục vụ nhiệm vụ chính trị, đối ngoại và phục vụ đông đảo các tầng lớp Nhân dân với 209 buổi diễn (28 buổi phục vụ chính trị và 181 buổi diễn doanh thu), doanh thu 6,3 tỷ đồng; cộng dồn 8 tháng năm 2025, các đơn vị nghệ thuật của Thành phố đã tổ chức 1.696 buổi biểu diễn (195 buổi diễn phục vụ nhiệm vụ chính trị, đối ngoại; 1.501 buổi diễn doanh thu), đạt 92,5% kế hoạch năm, tăng 10,9% so với cùng kỳ.

Hoạt động thể thao: Trong tháng Tám, Thành phố đã cử các đoàn huấn luyện viên (HLV), vận động viên (VĐV) đi tập huấn, thi đấu các giải đấu trong nước và quốc tế, đồng thời phối hợp tổ chức các giải thi đấu chuyên nghiệp theo kế hoạch. Tính chung 8 tháng năm 2025, Thành phố Hà Nội đã cử 10 đoàn đi tập huấn với 298 lượt người tham gia, trong đó tập huấn trong nước có 6 đoàn tham gia với 29 HLV, 186 VĐV; tập huấn quốc tế có 4 đoàn với 9 HLV, 74 VĐV. Cử 42 đoàn đi thi đấu với 1.078 lượt người, trong đó thi đấu trong nước có 32 đoàn với 10 cán bộ, 160 HLV, 851 VĐV; thi đấu quốc tế có 10 đoàn tham gia với 15 HLV, 42 VĐV.

Trong tháng Tám, Thể thao thành tích cao của Thành phố đạt 509 huy chương, trong đó: 5 Huy chương Vàng (HCV), 3 Huy chương Bạc (HCB), 7 Huy chương Đồng (HCD) và 494 huy chương trong nước (158 HVC, 143 HCB, 193 HCD) và 15 huy chương quốc tế (5 HCV, 3 HCB, 7 HCD). Tính chung 8 tháng năm nay, thể thao thành tích cao của Thành phố đạt 2.293 huy chương trong đó: 214 huy chương tại các giải đấu quốc tế (103 HCV, 53 HCB, 58 HCD) và 2.079 huy chương trong nước (746 HCV, 630 HCB, 703 HCD).

8. Trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ

Thành phố tăng cường bảo đảm an ninh chính trị, trật tự, an toàn xã hội cho nhân dân trong thời gian tổ chức chuỗi sự kiện kỷ niệm 80 năm Cách mạng tháng Tám thành công và Quốc khánh 2/9. Công an Thành phố xây dựng và

triển khai phương án phân luồng, phân tuyến đảm bảo an ninh trật tự thông suốt trên địa bàn. Bảo vệ tuyệt đối an toàn giao thông, xây dựng và triển khai phương án xử lý tình huống phòng chống khủng bố, biểu tình, gây rối trật tự, phòng cháy, chữa cháy tại khu vực tổ chức Lễ kỷ niệm, diễu binh, diễu hành và các tuyến đường diễu binh diễu hành, đảm bảo an ninh an toàn tuyệt đối phục vụ nhân dân và du khách.

Theo số liệu tổng hợp từ Công an thành phố Hà Nội, tình hình trật tự an toàn xã hội, bảo vệ môi trường và phòng chống cháy nổ tháng Tám (từ 15/7/2025 đến 14/8/2025) trên địa bàn Hà Nội như sau:

Phạm pháp hình sự: Trong tháng phát hiện hơn 627 vụ phạm pháp hình sự, trong đó có 370 vụ do công an khám phá; số đối tượng vi phạm bị bắt giữ theo luật là 773 đối tượng. Phát hiện, bắt giữ 271 vụ vi phạm pháp luật về kinh tế với 309 đối tượng, thu nộp ngân sách 8,2 tỷ đồng. Cộng dồn 8 tháng năm 2025, phát hiện 4.119 vụ phạm pháp hình sự, bắt giữ theo luật 4.066 đối tượng; 1.729 vụ vi phạm pháp luật về kinh tế, bắt giữ 2.084 đối tượng; thu nộp ngân sách 185,3 tỷ đồng.

Tệ nạn xã hội: Trong tháng đã phát hiện 33 vụ cờ bạc, bắt giữ 176 đối tượng. Tổng số vụ vi phạm pháp luật về ma túy bị phát hiện là 601 vụ, bắt giữ 1.073 đối tượng, trong đó xử lý hình sự 596 vụ với 998 đối tượng. Cộng dồn 8 tháng năm nay, trên địa bàn Thành phố đã phát hiện 215 vụ cờ bạc, bắt giữ 1.006 lượt đối tượng; số vụ vi phạm pháp luật về ma túy bị phát hiện là 1.923 vụ, bắt giữ 3.346 lượt đối tượng.

Tai nạn giao thông: Tháng Tám, trên địa bàn Thành phố đã xảy ra 98 vụ tai nạn giao thông đường bộ làm 45 người chết và bị thương 82 người. Chia theo mức độ nghiêm trọng, có 47 vụ tai nạn nghiêm trọng làm chết 45 người và bị thương 12 người; số vụ tai nạn ít nghiêm trọng và va chạm là 51 vụ làm 70 người bị thương. Cộng dồn 8 tháng năm 2025, tai nạn giao thông giảm cả 3 tiêu chí so với cùng kỳ năm 2024, cụ thể: Xảy ra 791 vụ tai nạn giao thông (trong đó 779 vụ tai nạn đường bộ và 12 vụ tai nạn đường sắt), giảm 22,8%; làm 421 người chết, giảm 4,1% và 583 người bị thương, giảm 32,1%.

Bảo vệ môi trường: Trong tháng, phát hiện 442 vụ vi phạm về bảo vệ môi trường với 448 đối tượng; xử lý là 415 vụ với 420 đối tượng; thu nộp ngân sách 1,5 tỷ đồng. Cộng dồn 8 tháng năm nay, xử lý 3.504 vụ vi phạm về bảo vệ môi trường với 2.869 đối tượng, giảm 42% về số vụ và giảm 53,3% đối tượng so với cùng kỳ năm 2024; thu nộp ngân sách 15,9 tỷ đồng, giảm 46,9%.

Phòng chống cháy, nổ: Trong tháng Tám, trên địa bàn Thành phố xảy ra 88 vụ cháy làm 5 người bị thương. Cộng dồn 8 tháng năm 2025, xảy ra 750 vụ cháy, giảm 5,4% so với cùng kỳ năm 2024; làm 14 người chết, giảm 44% và 12 người bị thương, tăng 50%./.

Nơi nhận:

- Cục Thống kê;
- Thường trực Thành uỷ;
- Thường trực HĐND Thành phố;
- Thường trực UBND Thành phố;
- Sở Tài chính TP Hà Nội;
- Một số Sở, ngành Thành phố;
- UBND phường, xã;
- Thống kê một số tỉnh, TP;
- Đơn vị thuộc Thống kê HN;
- Lưu: VT, TH.



TRƯỞNG THỐNG KÊ

Phạm Hoài Nam

1. Một số chỉ tiêu chủ yếu 8 tháng năm 2025

	Đơn vị tính	Ước tính 8 tháng năm 2025	8 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm 2024 (%)
1. Chỉ số sản xuất ngành công nghiệp (IIP)	%	-	106.5
2. Vốn đầu tư thực hiện thuộc nguồn vốn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý	Tỷ đồng	50890	133.2
3. Tổng mức bán ra và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	3037617	111.3
4. Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ	Tỷ đồng	615672	112.6
<i>Trong đó: Tổng mức bán lẻ</i>	<i>Tỷ đồng</i>	<i>387861</i>	<i>112.2</i>
5. Kim ngạch xuất khẩu hàng hóa	Triệu USD	13834	110.3
6. Kim ngạch nhập khẩu hàng hóa	Triệu USD	30455	113.5
7. Doanh thu hoạt động vận tải, dịch vụ kho bãi, hỗ trợ vận tải và bưu chính chuyển phát	Tỷ đồng	167394	116.3
8. Khách du lịch đến Hà Nội (<i>do cơ sở lưu trú phục vụ</i>)	1000 Lượt người	4890	121.4
<i>Trong đó: Khách quốc tế</i>	<i>1000 Lượt người</i>	<i>3397</i>	<i>121.5</i>
9. Chỉ số giá tiêu dùng bình quân	%	-	103.37
10. Tổng thu ngân sách Nhà nước	Tỷ đồng	471095	136.5
11. Chi ngân sách địa phương	Tỷ đồng	79185	133.5

2. Sản xuất nông, lâm nghiệp và thủy sản đến ngày 20 tháng 8 năm 2025

	Đơn vị tính	Thực hiện ☐ cùng kỳ năm trước	Thực hiện ☐ kỳ báo cáo so với cùng kỳ năm trước (%)	Kỳ báo cáo ☐
I. Nông nghiệp				
1. Cây hàng năm				
Diện tích gieo trồng lúa vụ mùa	Ha	71935	70252	97.7
Diện tích gieo trồng hoa màu	Ha			
Ngô	Ha	12100	11187	92.5
Khoai lang	Ha	1319	1285	97.4
Đậu tương	Ha	1218	1198	98.4
Lạc	Ha	2069	2011	97.2
Rau các loại	Ha	33954	34723	102.3
Đậu các loại	Ha	572	456	79.7
2. Chăn nuôi				
Đàn trâu	1000 Con	28.92	28.90	99.9
Đàn bò	1000 Con	121.7	116.5	95.7
Đàn lợn (không bao gồm lợn con chưa tách mẹ)	1000 Con	1298	1257	96.8
Đàn Gia cầm (gà, vịt, ngan)	1000 con	37002	37655	101.8
<i>Trong đó: Đàn gà</i>	<i>1000 con</i>	<i>28040</i>	<i>28476</i>	<i>101.6</i>
II. Lâm nghiệp				
Diện tích rừng trồng mới tập trung	Ha	73	71	97.3
Sản lượng gỗ khai thác	M ³	14995	14471	96.5
Số cây lâm nghiệp trồng phân tán	1000 cây	394	378	95.9
III. Thủy Sản nuôi trồng	Tấn	79816	82941	103.9
<i>Trong đó: - Cá</i>	<i>Tấn</i>	<i>79802</i>	<i>82927</i>	<i>103.9</i>
<i>- Thủy sản khác</i>	<i>Tấn</i>	<i>14</i>	<i>14</i>	<i>100.0</i>

3. Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng Tám và 8 tháng năm 2025

	ĐVT: %			
	Tháng 7 năm 2025 so với cùng kỳ năm trước	Tháng 8 năm 2025 so với tháng trước	Tháng 8 năm 2025 so với cùng kỳ năm trước	8 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước
TOÀN NGÀNH CÔNG NGHIỆP	108.0	101.0	108.2	106.5
Khai khoáng	99.4	100.1	99.9	95.8
Khai khoáng khác	99.4	100.1	99.9	95.8
Công nghiệp chế biến, chế tạo	108.4	101.4	108.3	106.7
Sản xuất chế biến thực phẩm	114.2	98.8	108.4	106.2
Sản xuất đồ uống	116.9	109.5	114.6	108.6
Sản xuất sản phẩm thuốc lá	109.4	100.8	109.2	106.7
Dệt	92.0	97.5	104.1	107.4
Sản xuất trang phục	114.7	105.7	111.4	110.2
Sản xuất da và các sản phẩm làm từ da	108.6	98.9	114.1	111.1
Chế biến gỗ và sản xuất sản phẩm từ gỗ, tre, nứa (trừ giường, tủ, bàn, ghế); sản xuất sản phẩm từ rơm, rạ và vật liệu tết bện	106.9	102.7	108.8	103.4
Sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy	105.1	107.1	112.8	100.5
In, sao chụp bản ghi các loại	111.2	108.3	109.3	105.4
Sản xuất hoá chất và sản phẩm hoá chất	108.8	97.4	107.2	107.9
Sản xuất thuốc, hoá dược và dược liệu	114.4	100.8	115.6	108.9
Sản xuất sản phẩm từ cao su và plastic	107.6	103.1	108.8	107.0
Sản xuất sản phẩm từ khoáng phi kim loại khác	106.9	87.8	107.1	113.6
Sản xuất kim loại	109.4	99.9	114.1	110.2
Sản xuất sản phẩm từ kim loại đúc sẵn (trừ máy móc, thiết bị)	105.7	100.0	104.8	104.6
Sản xuất sản phẩm điện tử, máy vi tính và sản phẩm quang học	107.9	116.7	105.4	106.6
Sản xuất thiết bị điện	101.4	105.1	103.8	98.3
SX máy móc, thiết bị chưa được phân vào đâu	99.7	99.1	100.5	117.3
Sản xuất xe có động cơ	124.3	91.9	116.3	115.9
Sản xuất phương tiện vận tải khác	109.1	101.0	110.3	103.2
Sản xuất giường, tủ, bàn, ghế	93.7	95.3	99.6	99.9
Công nghiệp chế biến chế tạo khác	106.8	100.2	102.8	111.3
Sửa chữa, bảo dưỡng và lắp đặt máy móc, thiết bị	116.4	101.9	116.8	115.6

3. Chỉ số sản xuất công nghiệp tháng Tám và 8 tháng năm 2025 (Tiếp)

	ĐVT: %			
	Tháng 7 năm 2025 so với cùng kỳ năm trước	Tháng 8 năm 2025 so với tháng trước	Tháng 8 năm 2025 so với cùng kỳ năm trước	8 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước, và điều hoà không khí	105.1	98.9	106.5	105.0
Sản xuất và phân phối điện, khí đốt, hơi nước, và điều hoà không khí	105.1	98.9	106.5	105.0
Cung cấp nước, hoạt động quản lý và xử lý rác thải, nước thải	106.8	95.7	109.8	107.1
Khai thác, xử lý và cung cấp nước	102.3	94.2	107.8	104.7
Thoát nước và xử lý nước thải	110.3	94.7	117.6	105.8
Hoạt động thu gom, xử lý và tiêu huỷ rác thải; tái chế phế liệu	109.5	97.1	109.4	109.3

4. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng Tám và 8 tháng năm 2025

	Đơn vị tính	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	So với cùng kỳ năm trước (%)	
		tháng 7	tháng 8	8 tháng	Tháng 8	8 tháng
		năm 2025	năm 2025	năm 2025	năm 2025	năm 2025
Đá xây dựng	1000 M ³	349	349	2406	99.9	95.8
Sữa và kem chưa cô đặc	Triệu Lít	17	18	134	96.6	91.7
Sữa và kem dạng bột	Tấn	348	353	2269	127.0	126.4
Kẹo cứng, kẹo mềm	Tấn	1215	1304	9417	110.4	101.0
Bìa các loại	Triệu Lít	43	45	281	108.8	107.1
Thuốc lá có đầu lọc	Triệu bao	181	182	1356	109.2	106.7
Quần áo người lớn	1000 Cái	1420	1471	8964	102.1	96.7
Áo sơ mi cho người lớn dệt kim	1000 Cái	2486	2659	19175	121.5	113.7
Áo sơ mi cho người lớn không dệt kim	1000 Cái	5702	5946	44647	100.6	108.1
Giày, dép	1000 Đôi	566	562	4489	119.3	111.7
Cửa sổ, cửa ra vào bằng gỗ	M ²	4435	4541	35886	105.4	103.6
Bao bì và túi bằng giấy (trừ giấy nhãn)	1000 Chiếc	4516	4319	32269	70.0	82.2
Thùng, hộp bằng bìa cứng (trừ bìa nhãn)	Triệu Chiếc	72	76	482	113.5	104.2
Giấy và bìa nhãn	Tấn	6754	7103	61635	71.4	77.7
Băng vệ sinh, tã lót cho trẻ sơ sinh	Tấn	6122	6865	44799	135.8	106.2
Phân bón các loại	1000 Tấn	28	30	223	120.1	104.9
Thuốc trừ sâu	Tấn	1540	1691	9966	160.9	104.7
Thuốc dạng viên các loại	Tỷ viên	55	55	360	110.1	90.8
Thuốc kháng sinh dạng bột/ cốm	Tấn	21	21	124	104.7	121.4
Dược phẩm khác chưa phân vào đâu	Tấn	209	205	1413	102.2	83.7
Dung dịch đậm huyết thanh	1000 Lít	3638	3647	24901	128.4	116.4
Cửa bằng plasstic	Tấn	2665	2830	21687	125.0	107.0
Sản phẩm bằng plastic còn lại	Tấn	4557	4624	34592	110.6	104.4
SP vệ sinh gắn cố định bằng gốm sứ	1000 Cái	325	386	2358	91.8	91.2
Bê tông trộn sẵn (bê tông tươi)	1000 M ³	256	266	1710	124.9	130.5
Thép không gỉ các loại	Tấn	45	48	340	115.6	100.6
Ống không nối, mặt cắt tròn bằng thép	Tấn	6284	6350	45776	108.2	103.5
Cửa bằng sắt, thép	1000 M ²	82	61	538	90.0	108.3

4. Sản lượng một số sản phẩm công nghiệp chủ yếu tháng Tám và 8 tháng năm 2025 (Tiếp)

	Đơn vị tính	Thực hiện tháng 7 năm 2025	Ước tính tháng 8 năm 2025	Ước tính 8 tháng năm 2025	So với cùng kỳ năm trước (%)	
					Tháng 8	8 tháng
					năm	năm
					2025	2025
Máy copy - in	1000 Cái	733	703	4538	110.7	115.2
Máy biến thế điện các loại	Chiếc	468	563	4655	91.2	105.2
Bộ phận thiết bị và điều khiển điện	Tấn	39	26	251	83.6	115.1
Tủ lạnh, loại sử dụng trong gia đình	1000 Cái	40	45	301	104.1	126.3
Quạt công suất không quá 125W	1000 Cái	210	205	1614	68.8	84.9
Dụng cụ điện đun nước nóng tức thời	1000 Cái	30	32	246	142.1	116.6
Xe có động cơ dùng để vận tải hàng hóa có động cơ đốt trong kiểu piston đốt cháy bằng sức nóng, có tổng trọng tải tối đa trên 5 tấn	Chiếc	411	403	2480	1403.8	1221.6
Thiết bị khác dùng cho động cơ của xe có động cơ	1000 cái	4143	3238	25113	93.5	97.6
Phụ tùng khác của xe có động cơ	Triệu Cái	70	65	542	87.3	102.9
Bộ phận tua bin phản lực, tua bin cánh quạt	1000 cái	10	11	83	186.1	168.8
Xe mô tô, xe máy xi lanh ≤ 250cc	1000 Chiếc	49	47	264	118.1	81.4
Các bộ phận và phụ tùng của xe mô tô, xe máy và xe thùng khác	1000 Tấn	21	21	168	90.3	97.0
Tủ bằng gỗ khác (trừ tủ bếp)	1000 Chiếc	45	42	409	107.9	103.8
Bàn bằng gỗ các loại	1000 Chiếc	448	428	3317	86.9	81.5
Ghế có khung bằng kim loại	1000 Chiếc	295	294	2045	107.0	115.6
Điện thương phẩm	Triệu Kwh	2737	2708	18168	106.5	105.0
Nước máy thương phẩm uống được	Triệu M ³	24	22	174	106.3	103.5

5. Vốn đầu tư thực hiện từ nguồn ngân sách Nhà nước do địa phương quản lý tháng Tám và 8 tháng năm 2025

ĐVT: Tỷ đồng; %

	KH	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	Tháng 8 năm 2025 so với		8 tháng năm 2025 so với	
	năm 2025	tháng 7 năm 2025	tháng 8 năm 2025	8 tháng năm 2025	tháng trước	cùng kỳ năm trước	kế hoạch năm 2025	cùng kỳ năm trước
TỔNG SỐ	104570	8430	8857	50890	105.1	119.2	48.7	133.2
Vốn ngân sách Nhà nước cấp thành phố	49729	3825	3906	22500	102.1	143.2	45.2	153.7
Vốn cân đối ngân sách thành phố	34516	2699	2752	15714	102.0	144.2	45.5	151.3
Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất	14038	1271	1287	7047	101.2	157.7	50.2	166.1
Vốn trung ương hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	12363	826	863	4627	104.4	160.5	37.4	209.2
Vốn nước ngoài (ODA)	2490	267	258	1930	96.6	102.4	77.5	105.0
Xổ số kiến thiết	360	33	33	229	100.3	110.9	63.6	110.2
Vốn ngân sách Nhà nước cấp xã	54841	4605	4951	28390	107.5	105.3	51.8	120.4
Vốn cân đối ngân sách xã	45035	623	661	2635	106.2	255.0	5.9	181.6
Trong đó: Thu từ quỹ sử dụng đất	32315	520	543	2183	104.4	250.5	6.8	170.8
Vốn thành phố hỗ trợ đầu tư theo mục tiêu	9806	3982	4290	25755	107.7	96.6	262.6	116.4

6. Tổng mức lqu chuyển hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng xã hội tháng Tám và 8 tháng năm 2025

ĐVT: Tỷ đồng; %						
	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	Tháng 8 năm 2025		8 tháng
	tháng 7	tháng 8	8 tháng	so với		năm 2025
	năm	năm	năm	tháng	cùng kỳ	so với cùng kỳ
	2025	2025	2025	trước	năm trước	năm trước
Tổng mức bán ra và doanh thu dịch vụ	393225	404740	3037617	102.9	108.6	111.3
Phân theo loại hình kinh tế						
Nhà nước	30286	30760	253563	101.6	109.6	104.6
Ngoài Nhà nước	345029	355750	2642303	103.1	108.4	112.3
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	17910	18230	141751	101.8	109.9	106.1
Chia theo ngành hoạt động						
Thương nghiệp	300096	307650	2441056	102.5	110.1	111.3
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	11317	12400	85222	109.6	116.8	116.1
Du lịch lữ hành	2938	3270	22104	111.3	133.0	121.4
Dịch vụ khác	78874	81420	489235	103.2	101.4	110.5
Tổng mức bán lẻ và doanh thu dịch vụ	77921	81625	615672	104.8	113.4	112.6
Phân theo loại hình kinh tế						
Nhà nước	8827	8985	73863	101.8	110.0	103.6
Ngoài Nhà nước	65883	69360	516593	105.3	114.1	114.4
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	3211	3280	25216	102.1	109.0	106.3
Chia theo ngành hoạt động						
Bán lẻ hàng hóa	47809	49750	387861	104.1	111.5	112.2
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	11317	12400	85222	109.6	116.8	116.1
Du lịch lữ hành	2938	3270	22104	111.3	133.0	121.4
Dịch vụ khác	15857	16205	120485	102.2	113.7	110.2
Cơ cấu tổng mức bán lẻ (%)						
Nhà nước	11.3	11.0	12.0	-	-	-
Ngoài Nhà nước	84.6	85.0	83.9	-	-	-
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	4.1	4.0	4.1	-	-	-

7. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng tháng Tám và 8 tháng năm 2025

ĐVT: Tỷ đồng; %

	Thực hiện ☐ Ước tính		8 tháng		Tháng 8 năm 2025 ☐		8 tháng
	tháng 7	tháng 8	năm 2025		so với		năm 2025
	năm	năm	Tổng	Cơ cấu	tháng	cùng kỳ	so với cùng kỳ
	2025	2025	mức	(%)	trước	năm trước	năm trước
TỔNG SỐ	77921	81625	615672	100.0	104.8	113.4	112.6
Bán lẻ hàng hóa	47809	49750	387861	63.0	104.1	111.5	112.2
Lương thực, thực phẩm	10924	11530	85246	13.8	105.5	111.1	112.6
Hàng may mặc	3353	3518	26585	4.3	104.9	110.5	111.3
Đồ dùng, dụng cụ trang thiết bị gia đình	5772	5975	45844	7.4	103.5	109.6	109.7
Vật phẩm văn hóa, giáo dục	769	790	6030	1.0	102.8	102.7	108.0
Gỗ và vật liệu xây dựng	1165	1185	8075	1.3	101.7	103.6	116.9
Ô tô con (dưới 9 chỗ ngồi)	5023	4960	40883	6.6	98.7	103.0	110.8
Phương tiện đi lại (trừ ô tô con, kể cả phụ tùng)	1015	1030	9186	1.5	101.5	103.1	108.6
Xăng, dầu các loại	8515	8840	66652	10.8	103.8	111.3	111.2
Nhiên liệu khác (Trừ xăng, dầu)	551	562	4866	0.8	102.1	108.2	109.9
Đá quý, kim loại quý và sản phẩm	1633	1720	12807	2.1	105.3	151.6	128.2
Hàng hóa khác	8003	8535	72717	11.8	106.6	118.1	113.6
Sửa chữa xe có động cơ, mô tô, xe máy và xe có động cơ	1087	1105	8970	1.5	101.6	103.8	110.8
Dịch vụ lưu trú, ăn uống	11317	12400	85222	13.8	109.6	116.8	116.1
Dịch vụ lưu trú	1380	1560	9906	1.6	113.0	115.9	115.4
Dịch vụ ăn uống	9937	10840	75316	12.2	109.1	133.0	121.4
Du lịch lữ hành	2938	3270	22104	3.6	111.3	133.0	121.4
Dịch vụ khác	15857	16205	120485	19.6	102.2	113.7	110.2

8. Vận tải hành khách tháng Tám và 8 tháng năm 2025

	Thực hiện tháng 7 năm 2025	Ước tính tháng 8 năm 2025	Ước tính □ 8 tháng năm 2025	Tháng 8 năm 2025 so với (%)		8 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (%)
				tháng trước	cùng kỳ năm trước	
I. Vận chuyển (Nghìn HK)	42014	43476	332850	103.5	122.4	119.9
Đường sắt	702	742	5975	105.8	109.5	126.4
Đường thủy nội địa	193	194	1554	100.5	98.3	106.2
Đường bộ	41119	42540	325321	103.5	122.8	119.9
II. Luân chuyển (Triệu lượt HK.km)	1227	1268	9711	103.3	118.8	117.7
Đường sắt	6	6	51	105.8	113.2	127.5
Đường thủy nội địa	2	2	15	101.3	98.6	105.6
Đường bộ	1219	1260	9646	103.3	118.9	117.7

9. Vận tải hàng hóa tháng Tám và 8 tháng năm 2025

	Thực hiện tháng 7 năm 2025	Ước tính tháng 8 năm 2025	Ước tính □ 8 tháng năm 2025	Tháng 8 năm 2025 so với (%)		8 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (%)
				tháng trước	cùng kỳ năm trước	
I. Vận chuyển (Nghìn tấn)	152503	154747	1206936	101.5	113.1	112.9
Đường sắt	195	196	1530	100.4	115.6	116.5
Đường biển	6220	6332	48925	101.8	116.2	112.8
Đường thủy nội địa	413	417	3241	101.0	112.7	107.7
Đường bộ	145675	147802	1153240	101.5	112.9	112.9
II. Luân chuyển (Triệu tấn.km)	14767	14975	116923	101.4	114.0	112.8
Đường sắt	14	14	109	100.4	115.6	116.5
Đường biển	10340	10491	81888	101.5	114.5	112.8
Đường thủy nội địa	48	49	379	101.0	107.2	106.0
Đường bộ	4365	4421	34547	101.3	112.8	112.9

10. Doanh thu vận tải, dịch vụ kho bãi, hỗ trợ vận tải và bưu chính chuyển phát tháng Tám và 8 tháng năm 2025

ĐVT: Tỷ đồng; %

	Thực hiện tháng 7 năm 2025	Ước tính □ tháng 8 năm 2025	Ước tính □ 8 tháng năm 2025	Tháng 8 năm 2025□ so với		8 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước
				tháng trước	cùng kỳ năm trước	
TỔNG SỐ	21178	21445	167394	101.3	116.1	116.3
Vận tải hành khách	2173	2247	17202	103.4	119.1	117.4
Đường sắt	9	9	76	105.7	138.5	133.0
Đường thủy nội địa	17	17	138	100.4	98.6	106.6
Đường bộ	2147	2221	16988	103.4	119.2	117.5
Vận tải hàng hóa	8670	8773	68566	101.2	113.6	113.1
Đường sắt	16	16	122	100.5	115.7	116.5
Đường biển	3346	3382	26449	101.1	115.0	113.6
Đường thủy nội địa	80	81	631	100.8	106.3	106.0
Đường bộ	5228	5294	41364	101.3	112.8	112.9
Dịch vụ kho bãi và hỗ trợ vận tải	9060	9137	71458	100.8	118.2	119.3
Bưu chính, chuyển phát	1275	1288	10168	101.0	114.6	116.5

11. Khách du lịch tháng Tám và 8 tháng năm 2025

ĐVT: 1000 Lượt người; %

	Thực hiện tháng 7 năm 2025	Ước tính □ tháng 8 năm 2025	Ước tính □ 8 tháng năm 2025	Tháng 8 năm 2025□ so với		8 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước
				tháng trước	cùng kỳ năm trước	
Khách đến Hà Nội (do cơ sở lưu trú phục vụ)	551	695	4890	126.2	133.3	121.4
a. Khách nội địa	191	240	1493	125.6	140.8	121.2
<i>Chia ra</i>						
Khách trong ngày	86	100	663	116.3	137.9	124.5
Khách ngủ qua đêm	105	140	830	133.1	142.9	118.8
b. Khách quốc tế	360	455	3397	126.5	129.7	121.5
Khách do cơ sở lưu trú hành phục vụ	267	340	1995	127.6	149.8	114.6
Khách quốc tế	33	40	237	103.4	137.9	119.9
Khách trong nước	234	300	1758	128.2	151.5	113.9

12. Kim ngạch xuất khẩu tháng Tám và 8 tháng năm 2025

	ĐVT: Triệu USD; %					
	Thực hiện	Ước tính	Ước tính	Tháng 8 năm 2025		8 tháng
	tháng 7	tháng 8	8 tháng	so với		năm 2025
	năm	năm	năm	tháng	cùng kỳ	so với cùng kỳ
	2025	2025	2025	trước	năm trước	cùng kỳ
TỔNG SỐ	1877	1922	13834	102.4	100.1	110.3
Phân theo khu vực kinh tế						
Khu vực kinh tế trong nước	1027	1053	7777	102.5	93.1	105.5
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	850	869	6057	102.3	110.3	117.1
Phân theo nhóm hàng						
Hàng nông sản	127	127	1060	100.2	112.5	105.0
<i>Trong đó: + Gạo</i>	<i>60</i>	<i>61</i>	<i>383</i>	<i>101.5</i>	<i>100.3</i>	<i>75.6</i>
+ Cà phê	12	13	251	100.8	315.9	213.4
Hàng dệt may	240	243	1593	101.1	93.1	106.4
Giày dép các loại và SP từ da	46	47	306	100.9	147.9	128.3
Máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện	285	287	1874	100.6	89.8	101.6
Hàng gốm sứ	19	19	137	101.1	88.5	95.0
Xăng dầu	59	59	398	100.9	68.7	42.9
Máy móc thiết bị phụ tùng	314	316	2109	100.4	151.6	141.0
Thủy tinh và các sản phẩm từ thủy tinh	30	30	218	101.0	95.7	113.9
Phương tiện vận tải và phụ tùng	285	286	1922	100.5	109.8	129.3
Gỗ và sản phẩm từ gỗ	57	57	536	101.2	81.6	101.2
Điện thoại và linh kiện	11	11	115	100.9	46.7	132.5
Hàng hoá khác	404	440	3566	108.9	89.3	115.3

13. Kim ngạch nhập khẩu tháng Tám và 8 tháng năm 2025

ĐVT: Triệu USD; %

	Thực hiện tháng 7 năm 2025	Ước tính tháng 8 năm 2025	Ước tính 8 tháng năm 2025	Tháng 8 năm 2025 so với		8 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước
				tháng trước	cùng kỳ năm trước	
TỔNG SỐ	4151	4160	30455	100.2	114.1	113.5
Phân theo khu vực kinh tế						
Khu vực kinh tế trong nước	3337	3345	24870	100.2	110.2	111.1
Khu vực có vốn đầu tư nước ngoài	814	815	5585	98.7	133.6	125.5
Phân theo nhóm hàng						
Máy móc thiết bị, phụ tùng	825	826	6028	100.1	127.7	133.7
Máy vi tính, hàng điện tử và linh kiện	369	370	2259	100.2	146.8	134.5
Phương tiện vận tải và phụ tùng	371	372	2505	100.3	185.6	166.2
Hàng điện gia dụng và linh kiện	49	49	512	99.7	126.2	107.9
Xăng dầu	401	402	2838	99.6	136.2	86.5
Sắt thép	180	182	1483	99.5	105.3	107.8
Chất dẻo	130	130	972	100.2	109.5	114.4
Thức ăn gia súc	64	64	485	99.5	90.7	104.2
Vải	89	90	687	100.9	115.2	106.5
Kim loại khác	184	184	1259	100.3	142.9	130.2
Ngô	49	49	359	99.6	65.9	76.6
Sản phẩm chất dẻo	82	83	615	99.4	118.3	122.4
Sản phẩm hóa chất	80	80	606	99.6	108.9	110.9
Hàng hóa khác	1278	1279	9847	100.1	89.7	102.9

14. Chỉ số giá tiêu dùng, chỉ số giá vàng, chỉ số giá đô la Mỹ tháng Tám và bình quân 8 tháng năm 2025

ĐVT: %

	Tháng 8 năm 2025 so với:				Bình quân
	Kỳ gốc (2019)	Tháng 8 năm 2024	Tháng 12 năm 2024	Tháng 7 năm 2025	8 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước
CHỈ SỐ GIÁ TIÊU DÙNG	120.07	103.98	102.35	100.22	103.37
Hàng ăn và dịch vụ ăn uống	124.58	102.71	101.66	100.41	102.82
<i>Trong đó: Lương thực</i>	128.23	102.29	99.95	99.98	103.68
<i>Thực phẩm</i>	121.46	101.82	101.31	100.41	102.11
<i>Ăn uống ngoài gia đình</i>	131.84	105.23	103.25	100.54	104.40
Đồ uống và thuốc lá	114.60	101.71	101.02	100.03	101.69
May mặc, mũ nón và giày dép	108.22	102.22	101.22	100.09	101.98
Nhà ở, điện, nước, chất đốt và VLXD	130.66	109.33	106.79	100.13	108.19
Thiết bị và đồ dùng gia đình	104.81	101.18	100.99	100.05	100.90
Thuốc và dịch vụ y tế	124.17	112.10	100.16	100.02	114.99
<i>Trong đó: Dịch vụ khám sức khỏe</i>	132.62	117.63	100.00	100.00	121.99
Giao thông	108.24	99.25	100.36	100.13	97.11
Bưu chính viễn thông	95.74	99.41	99.97	100.01	99.26
Giáo dục	128.72	102.86	100.32	100.21	98.78
<i>Trong đó: Dịch vụ giáo dục</i>	129.70	102.93	100.21	100.21	98.48
Văn hoá, giải trí và du lịch	109.27	104.59	104.11	100.60	104.03
Hàng hóa và dịch vụ khác	126.71	102.93	101.85	100.08	104.58
CHỈ SỐ GIÁ VÀNG	299.32	154.68	141.98	101.34	147.59
CHỈ SỐ GIÁ ĐÔ LA MỸ	113.78	104.32	103.67	100.42	103.47

15. Thu, chi ngân sách nhà nước 8 tháng năm 2025

<i>ĐVT: Tỷ đồng; %</i>			
	Ước tính 8 tháng năm 2025	8 tháng năm 2025 so với dự toán	8 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước
TỔNG THU NHÀ NƯỚC TRÊN ĐỊA BÀN	471095	91.7	136.5
<i>Trong đó:</i>			
1. Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	22869	83.7	135.0
2. Thu từ dầu thô	1794	42.7	65.0
3. Thu nội địa	446272	92.5	137.1
<i>Trong đó:</i>			
Khu vực kinh tế Nhà nước	55798	69.3	97.0
Khu vực DN có vốn đầu tư nước ngoài	23053	75.9	106.1
Khu vực kinh tế ngoài Nhà nước	95576	90.2	136.5
Thuế thu nhập cá nhân	43068	86.1	124.2
Thu lệ phí trước bạ	5363	74.5	117.3
Thu phí và lệ phí	16458	70.0	102.7
Thu tiền sử dụng đất	79053	164.8	433.3
CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	79185	43.2	133.5
1. Chi đầu tư phát triển	35186	34.4	137.1
2. Chi thường xuyên	43951	60.2	130.8

16. Tín dụng ngân hàng*ĐVT: Nghìn tỷ đồng; %*

	Thực hiện đến 31/7/2025	Ước tính đến 31/8/2025	Ước đến 31/8/2025 so với 31/7/2025	Ước đến 31/8/2025 so với 31/12/2024
NGUỒN VỐN HUY ĐỘNG	6549	6590	100.62	108.75
Tiền gửi	5764	5801	100.64	108.50
Tiền gửi tiết kiệm	1854	1869	100.77	109.91
Tiền gửi có kỳ hạn	2687	2699	100.45	106.90
Tiền gửi thanh toán	1223	1233	100.85	109.98
Phát hành giấy tờ có giá	785	789	100.50	110.63
<i>Trong đó: Đồng Việt Nam</i>	<i>785</i>	<i>789</i>	<i>100.50</i>	<i>110.63</i>
TỔNG DƯ NỢ	5248	5307	101.13	117.79
<i>Phân theo kì hạn</i>				
Dư nợ ngắn hạn	2260	2289	101.27	118.96
Dư nợ trung và dài hạn	2988	3018	101.02	116.92
<i>Phân theo nội ngoại tệ</i>				
Dư nợ bằng VND	5073	5132	101.16	117.55
Dư nợ bằng Ngoại tệ	175	175	100.35	125.18

17. Trật tự, an toàn xã hội tháng Tám và 8 tháng năm 2025

(Từ ngày 15 tháng 7 năm 2025 đến ngày 14 tháng 8 năm 2025)

	Đơn vị tính	Tháng 7 năm 2025	Tháng 8 năm 2025	8 tháng năm 2025	Tháng 8 năm 2025 so với (%)		8 tháng năm 2025 so với cùng kỳ năm trước (%)
					Tháng trước	Cùng kỳ năm trước	
Tai nạn giao thông							
Số vụ tai nạn giao thông	Vụ	109	98	791	89.9	79.0	77.2
Đường bộ	"	107	98	779	91.6	80.3	77.3
Đường sắt	"	2	-	12	-	-	70.6
Đường thủy	"	-	-	-	-	-	-
Số người chết	Người	55	45	421	81.8	77.6	95.9
Đường bộ	"	54	45	411	83.3	78.9	96.5
Đường sắt	"	1	-	10	-	-	76.9
Đường thủy	"	-	-	-	-	-	-
Số người bị thương	"	91	82	583	90.1	82.8	67.9
Đường bộ	"	90	82	581	91.1	83.7	68.0
Đường sắt	"	1	-	2	-	-	50.0
Đường thủy	"	-	-	-	-	-	-
Cháy, nổ							
Số vụ cháy, nổ	Vụ	68	88	750	129.4	77.9	94.6
Số người chết	Người	3	-	14	-	-	56.0
Số người bị thương	Người	-	5	12	-	-	150.0
Vi phạm môi trường							
Số vụ vi phạm đã phát hiện	Vụ	28	442	3609	1578.6	55.7	59.1
Số vụ đã xử lý	Vụ	28	415	3504	1482.1	52.8	58.0
Số đối tượng đã xử lý	Đối tượng	34	420	2869	1235.3	52.8	46.7
Số tiền xử phạt	Tr. đồng	495	1450	15933	292.7	58.0	53.1